

THÁNG 12-2023

BẢN TIN

Báo cáo thống kê ngành xơ, sợi

HIỆP HỘI BÔNG SỢI VIỆT NAM

Ban Thông tin Truyền thông tổng hợp & biên tập





Ông Nguyễn An Toàn
Chủ tịch Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam

THƯ CHÚC TẾT 2024

từ Chủ tịch Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam

Nhân dịp năm mới 2024, thay mặt Ban chấp hành Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA), Tôi xin trân trọng gửi đến Quý Doanh nghiệp Hội viên và Đối tác lời chúc mừng năm mới an lành, hạnh phúc, thành công.

Năm 2023 là một năm đầy thách thức đối với ngành dệt may và xơ sợi khi phải đối mặt với nhiều khó khăn như nhu cầu tiêu dùng giảm sút tại các thị trường lớn do chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiểm soát lạm phát; chiến tranh thương mại; cũng như sự cạnh tranh quốc tế từ các quốc gia sản xuất xơ sợi. Tuy nhiên, nhờ sự nỗ lực của toàn ngành, chúng ta đã vượt qua được những khó khăn đó và đạt được những kết quả đáng kể. Lũy kế 11 tháng năm 2023, sản lượng xuất khẩu xơ sợi đạt gần 1,63 triệu tấn, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2024, ngành bông sợi Việt Nam sẽ tiếp tục

phát huy những thành tựu đã đạt được, đồng thời đón nhận những cơ hội và thách thức mới. Tôi tin tưởng rằng, với sự đoàn kết, sáng tạo và năng động của cộng đồng doanh nghiệp, chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. VCOSA sẽ luôn đồng hành và hỗ trợ các doanh nghiệp trên con đường hướng tới phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.

Tôi xin chân thành cảm ơn Quý Hội viên, Quý đối tác đã luôn ủng hộ và hợp tác với VCOSA trong suốt thời gian qua. Tôi hy vọng rằng, trong năm mới, quan hệ hợp tác giữa VCOSA và Quý Hội viên, Quý đối tác sẽ ngày càng được thắt chặt và phát triển hơn nữa.

Một lần nữa, Chúc Quý Doanh nghiệp Hội viên và Đối tác một năm mới thật nhiều sức khỏe, an khang, thịnh vượng.

Thân ái,
Chủ tịch Hiệp hội

THÔNG BÁO

V/v: thay đổi chính sách phát hành bản tin năm 2024

Kính gửi Quý Hội viên, Độc giả và Đối tác,

Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam (VCOSA) trân trọng thông báo về quy định phát hành bản tin chuyên ngành lưu hành nội bộ và những cải tiến, thay đổi sắp tới trong bản tin của chúng tôi. VCOSA chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp vô cùng quý báu từ phía độc giả trong suốt thời gian qua.

📌 **Từ tháng 6/2021 đến tháng 12/2023 là thời gian đầu tư và hoàn thiện bản tin, được chia sẻ công khai trên các kênh truyền thông của VCOSA.** Trong suốt khoảng thời gian trên, VCOSA đã liên tục ghi nhận ý kiến đóng góp và không ngừng hoàn thiện bản tin của mình, từ nội dung đến thiết kế nhằm mang đến cho Quý độc giả những thông tin chất lượng và phù hợp nhất.

📌 **Kể từ tháng 01/2024, VCOSA chỉ phát hành bản tin miễn phí đến các hội viên.** Từ tháng 01/2024, VCOSA chỉ cung cấp bản tin miễn phí đến các hội viên. Điều này nhằm đảm bảo chúng tôi có thể tiếp tục cung cấp nội dung chất lượng và phục vụ tốt nhất cho quyền lợi cộng đồng hội viên của mình.

📌 **Từ kỳ bản tin tháng 01/2024, VCOSA sẽ phát triển thêm các chuyên mục mới gồm các bài báo cáo, phân tích và số liệu thống kê cập nhật.** VCOSA hy vọng những thông tin bổ sung sẽ giúp Quý độc giả có cái nhìn sâu hơn, toàn diện hơn về ngành và thị trường.

Quý độc giả chưa phải là hội viên, vui lòng liên hệ VCOSA để biết cách thức nhận bản tin.

VCOSA rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và đóng góp ý kiến từ Quý độc giả để chúng tôi có thể cải tiến và phục vụ tốt hơn.

Trân trọng!

Hiệp hội Bông Sợi Việt Nam.

CÁC CHUYÊN MỤC MỚI BỔ SUNG CHO 2024

- + Giá xơ và sợi: Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan (hàng tuần)
- + Giá xơ polyester: Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan (hàng tuần)
- + Giá nguyên vật liệu chuỗi polyester tại Châu Á (hàng tuần)
- + Giá bông toàn cầu và giá tại thị trường Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan (hàng tuần)
- + So sánh giá bông và giá polyester (hàng tháng)
- + So sánh giá bông và giá sợi (hàng tháng)
- + Nhập khẩu hàng may mặc của Mỹ (hàng tháng và hàng năm)
- + Giá sợi tại Bangladesh (hàng quý)
- + Nhập khẩu hàng may mặc của EU theo chủng loại và quốc gia (hàng quý)
- + Nhập khẩu hàng may mặc của Mỹ theo chủng loại và quốc gia (hàng quý)
- + Nhập khẩu hàng may mặc của Anh (hàng quý)
- + Xuất khẩu hàng may mặc của Trung Quốc (hàng quý)
- + Số liệu thống kê ngành sợi dệt toàn cầu và của Việt Nam (hàng năm)
- + Số liệu thống kê XNK một số loại sợi tiêu biểu của các thị trường tiềm năng và đối thủ cạnh tranh với Việt Nam (hàng năm)

Kính mời quý độc giả đón đọc.

Để cộng đồng có cái nhìn toàn diện hơn, đặc biệt về giá sợi trong nước, mời quý anh chị cùng nhau đóng góp và chia sẻ giá sợi lên trang vietnamyarnprice.com (có tính năng ẩn danh người gửi). Hoặc có thể gửi thông tin chi tiết về giá để VCOSA hỗ trợ cập nhật.





ĐIỂM TIN

Tin quốc tế

- ❖ Diện tích trồng bông của Brazil có thể tăng đáng kể trong niên vụ mới.
- ❖ Giá bông toàn cầu không thay đổi hoặc thấp hơn trong tháng qua: Cotton Inc.
- ❖ Vùng sản xuất bông lớn nhất Trung Quốc biến thành trung tâm dệt may.
- ❖ Biến động giá bông ảnh hưởng đến các nhà máy kéo sợi, đặc biệt là ở miền nam Ấn Độ.
- ❖ Tình trạng thiếu hạt giống có thể ảnh hưởng đến sản lượng bông của Ấn Độ trong mùa tới.
- ❖ Nhập khẩu bông của Bangladesh sẽ giảm 12% trong niên vụ 2023/24 trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều thách thức.
- ❖ Nhà máy may mặc Bangladesh đứng đầu bảng xếp hạng LEED toàn cầu.
- ❖ Các thương hiệu thời trang thận trọng với vải tái chế hóa học.
- ❖ Theo báo cáo, thị trường sợi dệt sẽ tăng lên 18,5 tỷ USD vào năm 2028.
- ❖ **Số liệu thống kê cập nhật ngành sợi dệt toàn cầu.**

Tin trong nước

- ❖ Giá nhập khẩu bông nguyên liệu giảm trở lại.
- ❖ Dự báo giá nhập khẩu xơ nguyên liệu sẽ phục hồi trở lại do nhu cầu tăng.
- ❖ Giá nhập khẩu sợi nguyên liệu giảm mạnh.
- ❖ Giá xuất khẩu xơ, sợi tiếp tục giảm.
- ❖ Giới chuyên gia nói gì về việc nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam?
- ❖ Những điểm sáng trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam.
- ❖ Anh, EU nổi gót Mỹ dừng tăng lãi suất: Kinh tế thế giới sắp 'dễ thở' hơn.
- ❖ **VCOSA: Thông báo v/v thay đổi chính sách phát hành bản tin năm 2024.**

TIN CHUYÊN NGÀNH

Diện tích trồng bông của Brazil có thể tăng đáng kể trong niên vụ mới



Diện tích trồng bông của Brazil có thể đạt mức cao mới trong vụ 2023/24, đạt 1,94 triệu ha, với dự báo giảm diện tích trồng ngô và đậu nành. Ông André Pessoa, Chủ tịch Agroconsult, cho biết: *"Nông dân Brazil dường như đang chuyển sang trồng bông thay vì ngô và đậu nành, điều này sẽ đưa diện tích trồng bông lên mức kỷ lục"*.

Với việc tăng diện tích trồng bông, Agroconsult dự báo sản lượng bông trong vụ mới ở mức 3,7 triệu tấn, trong khi sản lượng bông hiện tại và vụ 2022/23 dự kiến là 3,2 triệu tấn.

Theo Pessoa, nông dân Brazil quan tâm trồng nhiều bông hơn vì bông không bị giảm giá như đậu nành và ngô do xung đột Israel-Hamas.

Pessoa nói thêm rằng chi phí sản xuất, vốn đã lên tới 18.000 Real Brazil trong mùa trước, hiện đang dao động trong khoảng từ 12.000 đến 14.000 Real, mang lại lợi nhuận cho người trồng bông và là lý do chính khiến diện tích trồng bông tăng lên.

Pessoa cũng cho biết Brazil đã vượt qua Mỹ về sản lượng bông. Với 3,2 triệu tấn bông được sản xuất tại Brazil và 2,9 triệu tấn tại Mỹ trong mùa này, khoảng cách sẽ còn lớn hơn trong mùa tới.

Theo Textalks

Giá bông toàn cầu không thay đổi hoặc thấp hơn trong tháng qua: Cotton Inc

Theo Cotton Incorporated, giá bông toàn cầu vẫn ổn định hoặc giảm nhẹ trong tháng qua. Giá hợp đồng tương lai bông giao tháng 3 trên Sàn giao dịch New York (NY/ICE) đã giao dịch trong khoảng từ 78 đến 82 cent mỗi pound trong tháng qua. Ngày 07/12, giá đã vượt qua mức trên của phạm vi đó, nhưng lại giảm trở lại vào ngày giao dịch tiếp theo. Hiện tại, giá khoảng 81 cent mỗi pound theo báo cáo thị trường của Cotton Inc vào tháng 12/2023.

Chỉ số A đã giảm xuống dưới 90 cent/pound trong hầu hết tháng qua, nhưng đã tăng lên 92 cent/pound vào ngày hôm sau do sự gia tăng của hợp đồng tương lai New York/ICE vào ngày 07/12.

Giá bông Trung Quốc

(China Cotton Index hay CC 3128B) giảm từ 106 xuống 103 cent/pound. Theo giá nội địa, giá giảm từ 17.000 xuống 16.200 RMB/tấn. Đồng Nhân dân tệ mạnh lên so với đồng USD, từ 7,29 lên 7,15 RMB/USD.

Giá giao ngay Ấn Độ (loại Shankar-6) giảm từ 87 xuống 85 cent/pound. Theo giá nội địa, giá đã giảm từ 56.700 xuống 55.200 INR/candy. Đồng Rupee ổn định ở mức 83 INR/USD trong tháng qua.

Giá giao ngay Pakistan giảm nhẹ từ 75 xuống 73 cent/pound. Theo giá trong nước, giá giảm từ 17.500 xuống 17.000 PKR/maund. Đồng Rupee của Pakistan giữ ở mức gần 284 PKR/USD.

Theo Fibre2Fashion



BIẾN ĐỘNG GIÁ BÔNG

ảnh hưởng đến các nhà máy kéo sợi, đặc biệt là ở miền nam Ấn Độ



Ngành bông của Ấn Độ đang trải qua những biến động đáng kể, báo cáo gần đây từ CRISIL Ratings cho thấy doanh thu của các nhà máy kéo sợi cotton của Ấn Độ có thể bị mất từ 13 đến 15%. Điểm cơ bản dự kiến sẽ giảm từ 250 đến 300, phần lớn là do nhu cầu hạ nguồn thấp hơn, tổn thất hàng tồn kho và chênh lệch giữa giá bông thô và sợi cotton thu hẹp. Báo cáo, dựa trên đánh giá của khoảng 90 doanh nghiệp sợi cotton địa phương, chiếm 40% doanh thu của ngành, cho thấy mức giảm điểm cơ bản thấp kỷ lục từ 7% đến 8% so với năm tài chính trước.

Bất chấp những lo ngại về hồ sơ tín dụng của những nhà sản xuất sợi này, CRISIL Ratings tin rằng các doanh nghiệp sợi không chỉ có khả năng phục hồi mà còn ổn định. Gautam Shahi, giám đốc CRISIL Ratings, lưu ý rằng giá sợi cotton dự kiến sẽ duy trì ở mức 75-80 Rs/kg trong năm tài chính này, giảm so với mức cao trước đó là 100 Rs/kg. Sự sụt giảm này là do giá sợi giảm mạnh hơn giá bông trong nửa đầu năm tài chính. Nguyên nhân chính khiến giá giảm là do nhu cầu từ các nhà sản xuất hàng may sẵn trong nước ở Ấn Độ giảm đáng kể, đặc biệt là ở phân khúc hàng dệt kim và quần áo denim.

Các doanh nghiệp sợi Nam Ấn Độ kêu gọi chính phủ

Ngành kéo sợi cotton của Ấn Độ có tính tập trung cao, với 55% khả năng sản xuất nằm ở các bang Tamil Nadu, Andhra Pradesh và Telangana. Gần đây, Hiệp hội các nhà máy Nam Ấn Độ (SIMA) đã nêu vấn đề về thuế nhập khẩu 11% đối với bông và chi phí cao của sợi nhân tạo và sợi filament. Theo một

thông cáo báo chí gần đây, điều này đã khiến xuất khẩu sợi, vải, hàng may mặc giảm mạnh.

SIMA cũng chỉ ra chi phí điện ở các bang miền Nam đã tăng đáng kể từ 1-2,5 Rs mỗi đơn vị. Điều này tác động đến khả năng cạnh tranh cả trên toàn cầu và trong nước. Chi phí điện năng thấp hơn nhiều ở các bang như Maharashtra, Gujarat và Madhya Pradesh, nơi đưa ra các ưu đãi về dệt may. SIMA từ lâu đã có mối quan ngại với chính quyền bang về các vấn đề khủng hoảng điện chưa được giải quyết.

Đáp lại những quan ngại của ngành sợi trên cả nước, Bộ Dệt may đã khuyến nghị hoãn trả nợ một năm và đề xuất mở rộng phạm vi áp dụng các biện pháp tài chính tùy từng trường hợp. Các khuyến nghị được đưa ra dựa trên quan điểm của ngành sợi trên khắp đất nước.

Giá bông dự kiến sẽ làm giảm doanh thu của các doanh nghiệp sợi

Trong năm tài chính vừa qua, giá bông đã đạt mức cực cao, đạt đỉnh 100.000 Rs/candy. Tuy nhiên, vụ bông đang phát triển tốt trong

mùa này và dự báo sẽ có một vụ thu hoạch bội thu vào mùa tới. Do đó, các nhà máy sợi cotton đang phải vật lộn với tình trạng lỗ hàng tồn kho đáng kể do giá bông đã giảm hơn 40%, dao động từ 57.000 Rs đến 62.000 Rs/candy.

Pranav Shandil, Phó Giám đốc, CRISIL Ratings, cho biết mặc dù chỉ số tín dụng của các doanh nghiệp sợi cotton dự kiến sẽ giảm trong năm tài chính này do hiệu quả hoạt động yếu kém, nhưng họ sẽ vẫn có khả năng phục hồi nhờ bảng cân đối kế toán không có đòn bẩy tài chính và kế hoạch chi tiêu vốn thận trọng.

Triển vọng tích cực bắt nguồn từ kỳ vọng về vụ mùa bông tốt ở Ấn Độ có thể giúp ổn định giá bông ở mức thực tế hơn. Điều này có thể giúp các doanh nghiệp sợi giảm tổn thất hàng tồn kho trong những năm tới.

Theo Fashionating World

Các thương hiệu thời trang thận trọng với

VẢI TÁI CHẾ HÓA HỌC



Sau COVID, mọi người muốn một thế giới xanh hơn. Nhưng các thương hiệu thời trang chậm sử dụng nguyên vật liệu tái chế khiến việc giải quyết vấn đề rác thải nhựa trở nên khó khăn.

Các thương hiệu thời trang chưa hoàn toàn sử dụng các phương pháp tái chế hóa học để biến quần áo cũ thành quần áo mới theo hướng thân thiện với môi trường. Các nguyên vật liệu công nghệ cao mới từ quá trình tái chế, như circulose chứa viscose, được sử dụng trong các loại vải này không có sẵn và có giá thành cao hơn các nguyên vật liệu thông thường từ dầu, bông hoặc gỗ.

Mặc dù rác thải nhựa là một vấn đề lớn, đặc biệt là sau Covid, nhưng các thương hiệu vẫn không mặn mà sử dụng những nguyên vật liệu tái chế tốt hơn cho môi trường. Đến năm 2050, thế giới có thể có 400 triệu tấn rác thải nhựa nếu không có gì thay đổi. Chỉ riêng Ấn Độ đã thải ra 3,4 triệu tấn rác thải nhựa mỗi năm.

Màng may mặc giải quyết rác thải nhựa

Hầu hết rác thải nhựa không dễ dàng phân hủy theo thời gian. Rác thải nhựa tồn tại ở dạng nhỏ trong nhiều thập kỷ, gây hại cho động vật và thực vật. Ngành công nghiệp thời trang đang dần giải quyết vấn đề này bằng cách không còn giới hạn mình trong việc sản xuất túi xách có thể phân hủy sinh học và tích cực tham gia vào cuộc cách mạng thời trang bằng cách sử dụng nhựa tái chế, nhưng họ vẫn có thể làm tốt hơn.

Một hướng đi đầy hứa hẹn là polyester tái chế, sử dụng sợi có nguồn gốc từ chai nhựa. Cách

tiếp cận này mang lại cơ hội đáng kể để tái sử dụng rác thải nhựa hiệu quả hơn và giảm lượng khí thải carbon của ngành thời trang. Circulose, một loại bột giấy thường được làm từ bông tái chế, ngày càng trở nên phổ biến trong việc tạo ra các nguyên liệu may mặc, đặc biệt khi kết hợp với circulose có chứa viscose sẽ tạo nên những sản phẩm may mặc thời trang có độ vừa vặn tuyệt vời.

Renewcell, một công ty Thụy Điển chuyên sản xuất circulose, đã mở một nhà máy lớn vào năm 2022 có thể sản xuất 60.000 tấn bột giấy tuần hoàn mỗi năm. Mặc dù vậy, công ty vẫn phải đối mặt với

những thách thức, đó là lượng đơn đặt hàng thấp từ các nhà bán lẻ lớn như Zara, H&M và Levi Strauss. Renewcell báo cáo giá trị cổ phiếu gần đây giảm hơn 80% và khoản lỗ hoạt động là 17 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2024.

Polyester tái chế, circulose trở nên phổ biến

Các thương hiệu như Zara và H&M đã sử dụng circulose có chứa viscose trong sản phẩm may mặc của họ. Chất liệu này mang lại cảm giác sang trọng, mượt mà và trang nhã cho những chiếc áo và váy vừa vặn. Bột giấy tuần hoàn của Renewcell, một thành phần quan trọng trong circulose, rất linh hoạt và có thể

kéo thành sợi, dệt thoi hoặc dệt kim thành vải. Một tấn cellulose có thể tạo ra ba tấn sợi viscose, tương đương với khoảng 20.000 chiếc áo phông.

H&M, một công ty lớn trong ngành thời trang - cổ đông chính của Renewcell, cam kết tăng cường sử dụng vật liệu tái chế. Họ đặt mục tiêu đạt 30% vào năm 2025. Inditex, một công ty lớn khác với 621.244 tấn quần áo được bán ra vào năm ngoái, cũng đang nhắm mục tiêu 25% sợi bền vững mới vào năm 2030.

Tuy nhiên, một số nhà bán lẻ thời trang, như Boohoo - một nhà bán lẻ thời trang trực tuyến có trụ sở tại Vương quốc Anh, đã phải đối mặt với những lời chỉ trích vì không giữ đúng lời hứa về quần áo bền vững. Những cáo buộc về lương thấp và điều kiện làm việc tồi tệ trong các nhà máy đã làm hoen ố nỗ lực của họ trong việc cung cấp các mặt hàng với chi phí thấp hơn.

Polyester tái chế được coi là giải pháp thay thế xanh hơn, sử dụng ít năng lượng hơn và tạo ra ít khí thải nhà kính hơn so với sản

xuất polyester nguyên sinh. Sản xuất vải bền vững cũng bảo tồn tài nguyên nước và giảm các tác động tiêu cực liên quan đến sản xuất dệt truyền thống, vốn thường liên quan đến các hóa chất độc hại.

Khi ngành may mặc hướng tới tương lai, việc áp dụng các biện pháp bền vững sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra một thế giới có ý thức hơn về môi trường.

Theo Fashionating World

Theo báo cáo, thị trường sợi dệt sẽ tăng lên 18,5 tỷ USD vào năm 2028



Thị trường sợi dệt toàn cầu hiện có giá trị 14,4 tỷ USD và dự kiến tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 5,1% đạt 18,5 tỷ USD vào năm 2028.

Theo báo cáo của Markets and Markets, các yếu tố như sự gia tăng dân số tầng lớp trung lưu ở các nền kinh tế mới nổi và sự phát triển của sợi công nghệ tiên tiến sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành.

Nhu cầu về sợi dệt cũng có thể tăng do sản xuất sợi có công nghệ tiên tiến với các đặc tính được cải

thiện. Trên phạm vi toàn cầu, nhu cầu về hàng dệt kỹ thuật đang tăng ở nhiều ngành công nghiệp khác nhau bao gồm may mặc, y tế, thể thao, ô tô và hàng không vũ trụ.

Phân khúc sợi thực vật được dự đoán sẽ có tốc độ tăng trưởng kép hàng năm cao nhất trong giai đoạn dự báo. Sự tăng trưởng này sẽ được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm bền vững và thân thiện với môi trường.

Sợi polyester sẽ thống trị tăng trưởng trong phân khúc sợi nhân

tạo. Độ bền, khả năng chống mài mòn, chống nhăn, khả năng co giãn và hiệu quả chi phí ưu việt của sợi sẽ thúc đẩy sự phát triển của loại sợi này trong thời kỳ tới.

Thổ Nhĩ Kỳ sẽ chiếm thị phần lớn nhất vào năm 2023, với lực lượng lao động có tay nghề cao, công nghệ sản xuất tiên tiến và cơ sở hạ tầng hiện đại.

Theo Fashionating World



Vùng sản xuất bông lớn nhất Trung Quốc biến thành trung tâm dệt may

Với sản lượng bông chiếm 90% tổng sản lượng bông của Trung Quốc, tỉnh Tân Cương hiện đang trở thành một trung tâm sản xuất hàng dệt may.

Tính đến nay, Tân Cương có 3.720 doanh nghiệp sản xuất dệt may, trong khi năm 2014 chỉ có 711 doanh nghiệp. Thu hút bởi lợi thế nguồn cung bông sẵn có, 1.340 trong số 3.720 doanh nghiệp đến từ bên ngoài tỉnh Tân Cương hoặc các nơi khác của Trung Quốc. Tăng trưởng với tốc độ 19% hàng năm, ngành dệt may Tân Cương đã thu hút đầu tư với tổng trị giá 283 tỷ Nhân dân tệ kể từ năm 2014.

Theo các chuyên gia Trung Quốc, trong vài năm qua, chất lượng bông trồng trên địa bàn tỉnh không ngừng được cải thiện, diện tích trồng bông cũng tăng lên 35,58 triệu mẫu Anh.

Nhiều nhà máy cán bông cũng đã được thành lập ở nhiều khu vực khác nhau trong tỉnh, nhờ đó giảm chi phí vận chuyển các kiện bông đã qua chế biến cho các nhà kéo sợi.

Tỉnh hiện cũng có một cơ sở sản xuất sợi PSF và một nhà máy khác dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động vào đầu năm 2024.

Theo Textile Insights



Tình trạng thiếu hạt giống

Có thể ảnh hưởng đến sản lượng bông của Ấn Độ trong mùa tới

Ấn Độ đang đối mặt với tình trạng thiếu hạt bông trầm trọng trong mùa tới vì theo ước tính của ngành, sản lượng hạt giống năm nay đã giảm 30-40%. Lượng hạt bông dư thừa không nhiều để bù đắp cho sự thiếu hụt. Các chuyên gia khuyến nghị cần có hành động chính sách phòng ngừa để tránh giảm diện tích trồng bông trong năm tới.

Một số chuyên gia cho rằng nên hạn chế xuất khẩu để cung cấp bông cho ngành dệt may trong nước, vì nhu cầu ước tính cao hơn sản lượng ở mức hơn 31 triệu kiện.

Theo The Hindu Businessline

Nhập khẩu bông của Bangladesh sẽ giảm 12% niên vụ 2023/24 trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều thách thức



Bangladesh có thể giảm nhập khẩu bông vào vụ 2023/24 do đơn đặt hàng từ nhà mua hàng may mặc ít hơn và khó đảm bảo thư tín dụng do dự trữ ngoại hối ngày càng giảm.

Theo báo cáo của USDA, nhập khẩu bông từ Bangladesh dự kiến sẽ giảm 12% xuống còn 7,5 triệu kiện trong vụ 2023/24. Báo cáo cho biết tình trạng thiếu nguồn cung cấp khí đốt đã khiến một số nhà máy sợi trong nước hoạt động với công suất giảm và các nhà nhập khẩu bông đang gặp khó khăn trong việc mở thư tín dụng.

Báo cáo lưu ý rằng cuộc bầu cử quốc gia sắp tới, dự kiến diễn ra vào tháng 1, tiếp tục cản trở hoạt động sản xuất tại các nhà máy may mặc, vốn đã bị ảnh hưởng bởi các phong trào chính trị như phong tỏa và đình công.

Dự báo cho thấy khả năng tiêu thụ bông có thể giảm 11,4% xuống còn 78 triệu kiện và sản lượng sợi dự kiến sẽ giảm xuống 1,6 triệu tấn. Trong đó bao gồm 1,4 triệu tấn sợi cotton và 400.000 tấn sợi pha.

Theo Fashionating World

Nhà máy may mặc Bangladesh đứng đầu bảng xếp hạng LEED toàn cầu

SM Sourcing Ltd, một nhà máy may mặc ở Bangladesh, đã được xếp hạng đứng đầu bảng xếp hạng nhà máy xanh LEED toàn cầu với 106/110 điểm. Trước đó, vị trí số này thuộc về Green Textiles Ltd, một nhà sản xuất hàng may mặc khác của Bangladesh, với 104 điểm.

Ngành may mặc Bangladesh đã có bước tiến đáng kể khi 54 trong số 100 nhà máy xanh LEED hàng đầu thế giới hiện có trụ sở tại đất nước này. Đứng hạng 9 trong top 10 và 18 trong top 20 là ở Bangladesh.

Bangladesh hiện có 206 nhà máy đạt tiêu chuẩn

xanh LEED, trong đó 76 nhà máy đạt chuẩn Bạch kim và 116 nhà máy đạt chuẩn Vàng. Chỉ riêng 6 tháng qua, 24 nhà máy may mặc Bangladesh đã được chứng nhận.

Các chuyên gia nhận định, sự tăng trưởng nhanh về số lượng nhà máy xanh LEED được chứng nhận cho thấy ngành dệt may Bangladesh ngày càng quan tâm đến phát triển bền vững.

Theo Textalks



VIỆT NAM TEXFUTURE 2024 XUÂN HÈ

CHUYỂN ĐỔI XANH: BỀN VỮNG HAY LỢI NHUẬN

Texfuture Việt Nam - Triển lãm "toàn cầu am hiểu địa phương", một trong những sự kiện chuyên đề của dệt may & thời trang bền vững - lấy vải cao cấp làm sản phẩm chủ đạo.

Triển lãm thể hiện sức mạnh của đam mê và sự kiên trì - do ngành dệt may vì ngành dệt may mà tổ chức nên. **Texfuture Việt Nam** được Công ty CP Giải Pháp Dệt May Bền Vững (STS) và đồng sự Tengda tổ chức thường niên 6 tháng một lần:

- Là nơi gặp gỡ kết nối các doanh nghiệp dệt may Việt Nam và quốc tế.
- Là nơi hội tụ các loại vải cao cấp mang xu hướng & công nghệ mới thân thiện môi trường cùng nhau đi sâu vào khâu nghiên cứu phát triển nguyên vật liệu & thiết kế thời trang tạo ra các thương hiệu Việt Nam để chiếm lĩnh thị trường trong nước và xuất khẩu.

1800 m ² diện tích triển lãm	+ 200 doanh nghiệp tham gia	+ 10.000 lượt tham quan	-20 đối tác	+30 diễn giả chuyên gia
--	--------------------------------	----------------------------	----------------	----------------------------

27-29/03/2024 - GEM CENTER
8 Nguyễn Bình Khiêm, Q1

**ĐĂNG KÝ
GIAN HÀNG**



**ĐĂNG KÝ
THAM QUAN**



1. Sản phẩm Dệt may & Vải cao cấp

- Trưng bày các thiết kế và vật liệu mới nhất.
- Nền tảng dành cho nhà sản xuất và nhà thiết kế.
- Nêu bật những cải tiến về vải cao cấp.
- Xu hướng nổi bật của ngành.

2. Công nghệ tiên tiến

- Trưng bày công nghệ tiên tiến.
- Nhấn mạnh vào chuyển đổi kỹ thuật số.
- Thúc đẩy tự động hóa và tính bền vững.
- Cải tiến quy trình sản xuất.

3. Dệt may Bền vững & tuần hoàn

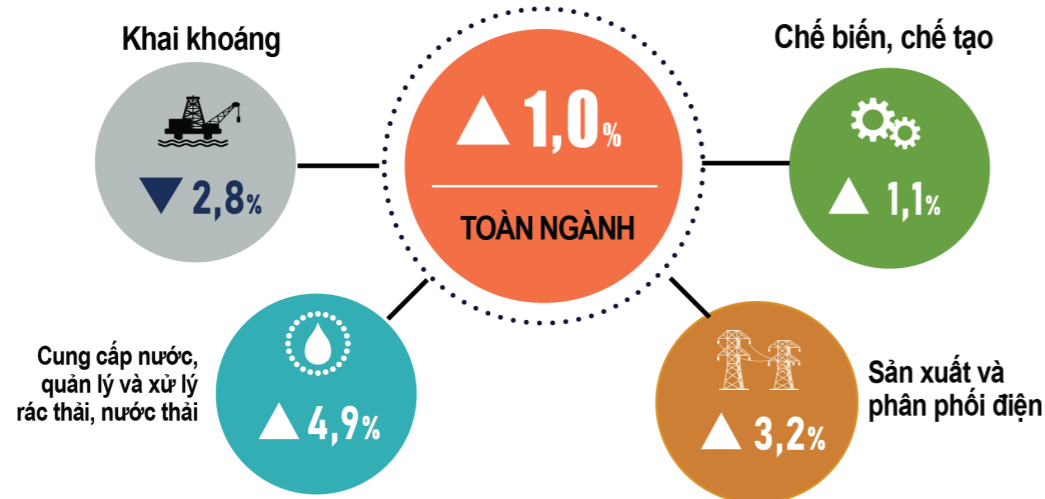
- Tập trung vào tính bền vững và tính tuần hoàn.
- Thảo luận về các biện pháp tái chế và thân thiện với môi trường.
- Thúc đẩy việc tìm nguồn cung ứng có trách nhiệm.
- Giảm tác động tới môi trường.



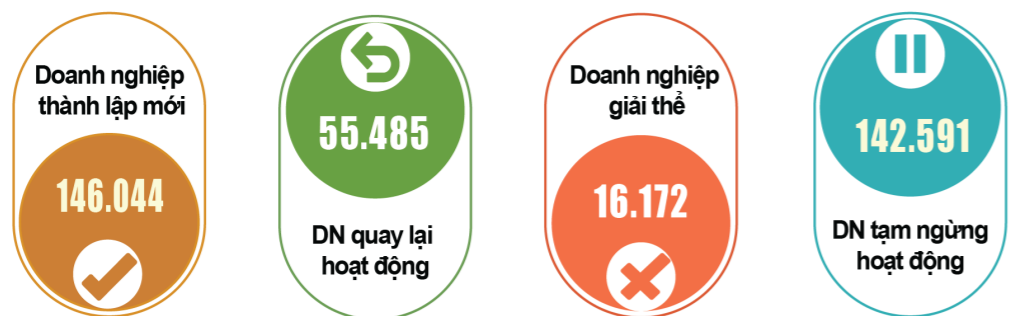
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT - CƠ CHẾ - CHÍNH SÁCH

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 11 THÁNG NĂM 2023

Tốc độ tăng Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước

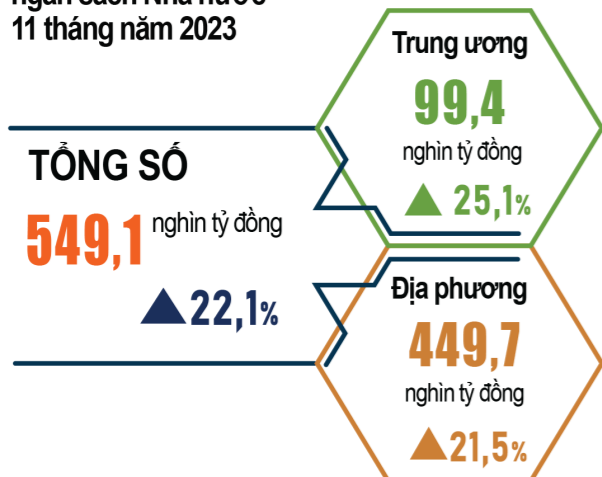


TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 11 THÁNG NĂM 2023

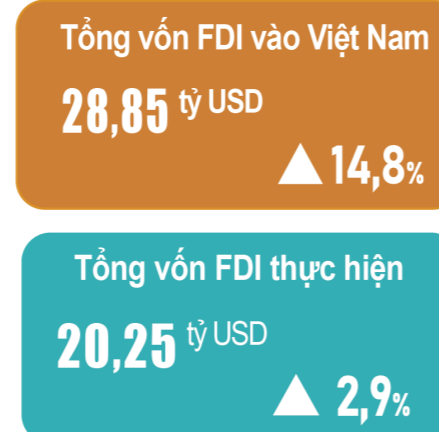


HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 11 tháng năm 2023

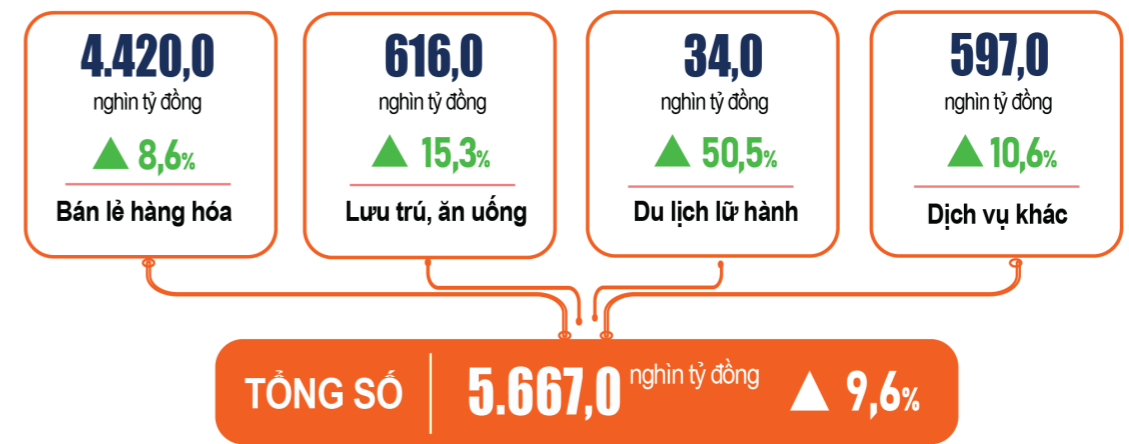


Đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam từ 01/01-20/11/2023

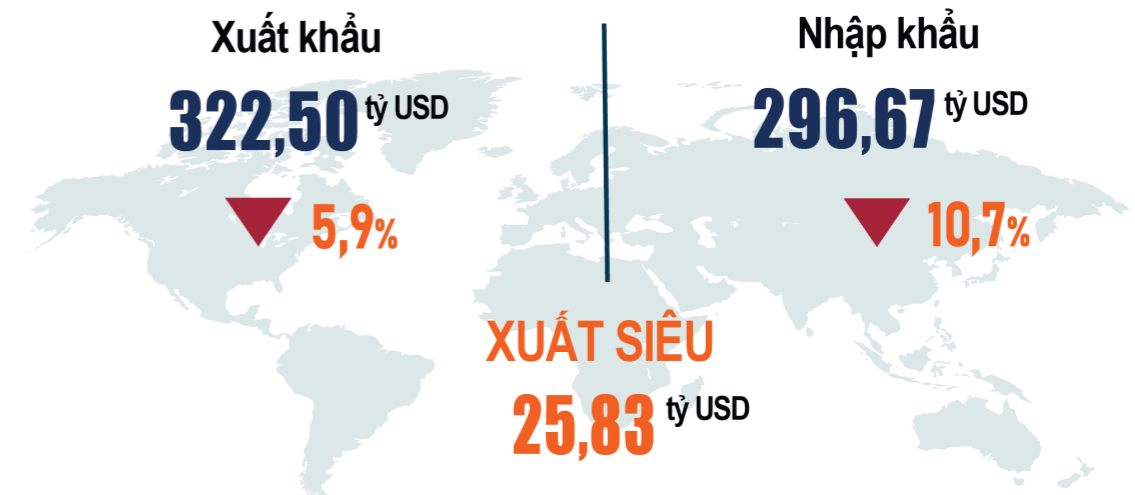


Nguồn: Tổng cục Thống kê

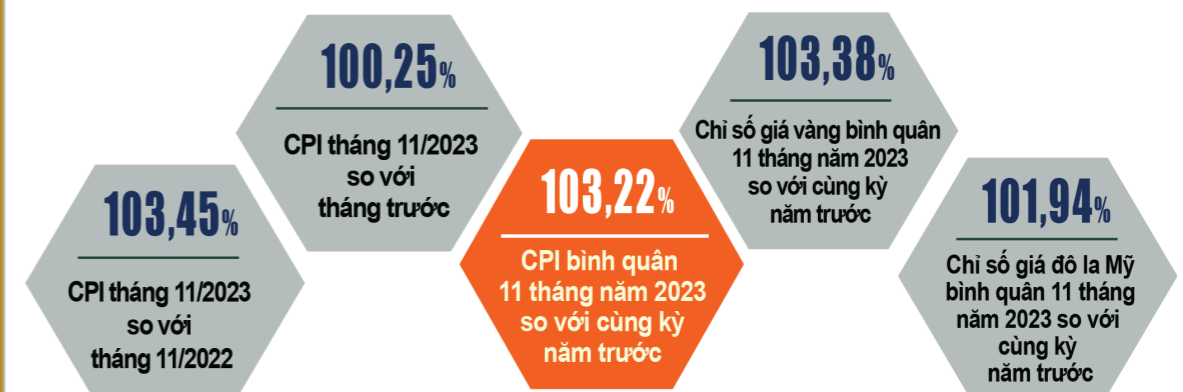
TỔNG MỨC BÁN LẺ HH VÀ DOANH THU DV TIÊU DÙNG 11 THÁNG NĂM 2023



XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 11 THÁNG NĂM 2023

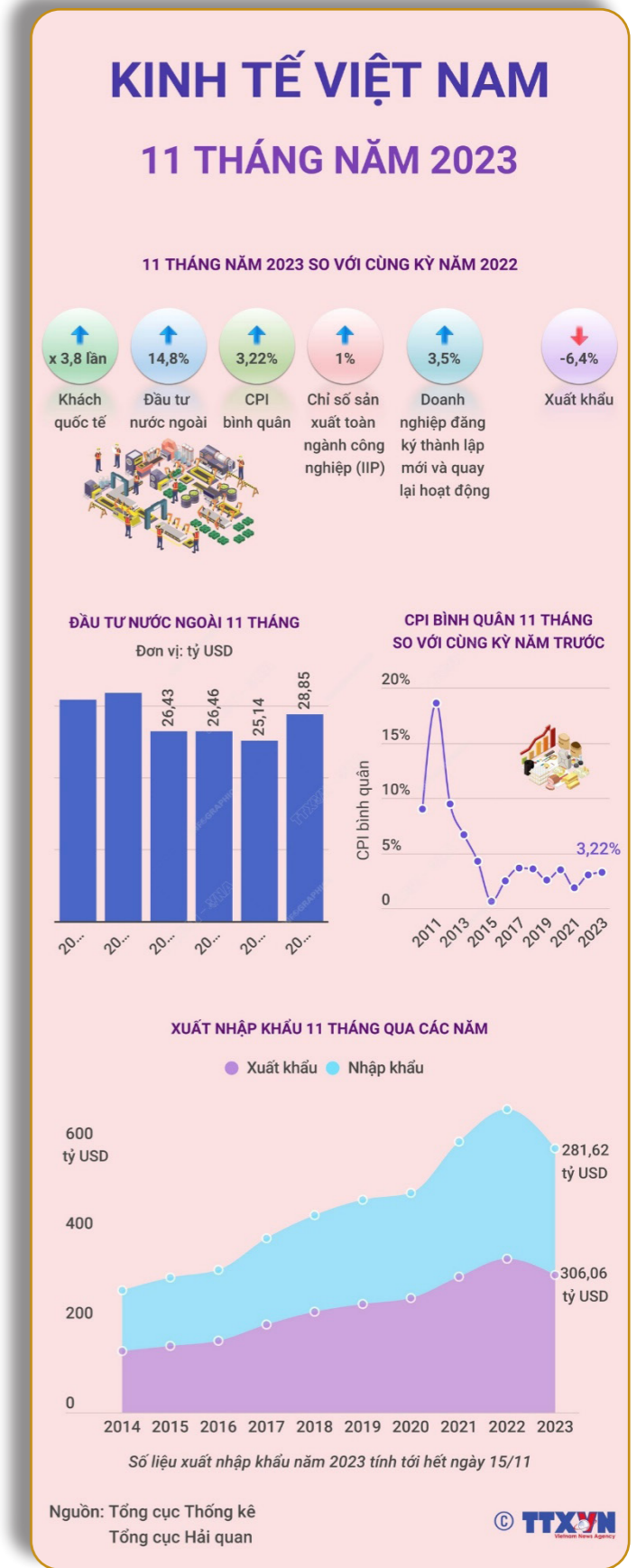
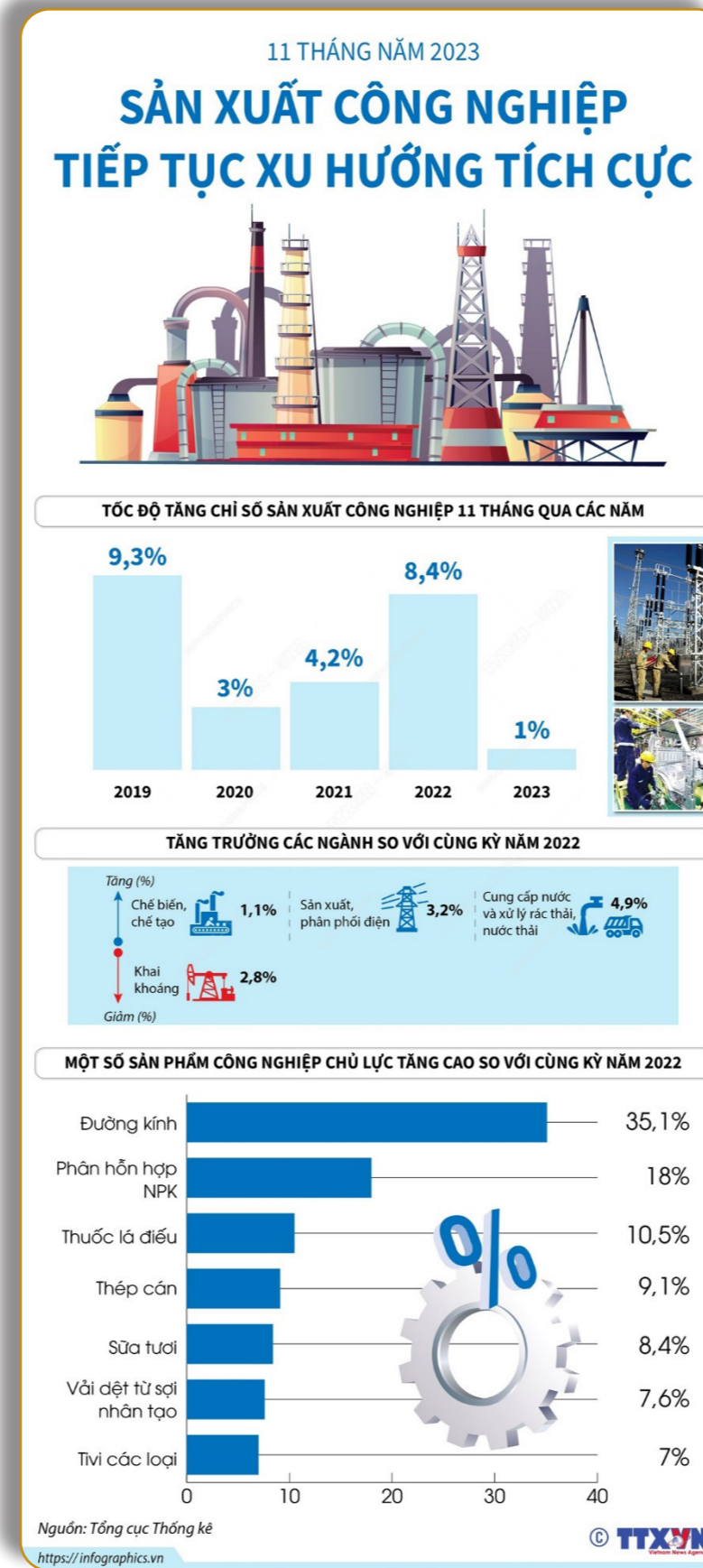


CHỈ SỐ GIÁ



Nguồn: Tổng cục Thống kê

* Các chỉ số thống kê đáng chú ý trong 11 tháng năm 2023



Giới chuyên gia nói gì về việc nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam?

Mới đây, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings đã nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam từ BB lên mức BB+ với triển vọng ổn định.

Theo đó, Fitch nâng hệ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam trên cơ sở ghi nhận triển vọng tăng trưởng thuận lợi trong trung hạn, được củng cố bởi dòng vốn đầu tư nước ngoài mạnh mẽ. Fitch đánh giá, trong trung hạn, thu ngân sách sẽ được củng cố nhờ vào các giải pháp mở rộng cơ sở thu thuế đặt ra tại chiến lược tài chính đến năm 2030 của Việt Nam.

Đồng thời, nhận định với việc Chính phủ Việt Nam tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô, nền kinh tế lấy lại được đà tăng trưởng trong thời gian tới. Bà Dorsati Madani, chuyên gia Kinh tế cao cấp Ngân hàng

Thế giới tại Việt Nam nhận định: “Chỉ số PMI (chỉ số nhà quản trị mua hàng) đang phản ánh nhu cầu trên thế giới giảm sâu. Nhưng Việt Nam đã tận dụng cả thị trường truyền thống và thị trường mới thông qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA), nhờ đó mức độ

suy giảm trong xuất khẩu dần được thu hẹp. Sự tích cực này cũng tạo thêm động lực cho sản xuất công nghiệp tăng trưởng, đặc biệt là động lực chính chế biến chế tạo tháng sau tốt hơn tháng trước, qua đó tạo niềm tin cho các khoản đầu tư mới cả trực tiếp và gián tiếp”.



Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm Việt Nam lên BB+

Việc được nâng hạng tín nhiệm cho thấy triển vọng kinh tế tốt hơn, uy tín cao hơn, đồng nghĩa với việc khả năng trả nợ tốt hơn. Nhờ vậy, chi phí vay vốn của Việt Nam trong khu vực công và khu vực tư có thể được giảm bớt.

Trong khi đó, ông Jonathan Pincus, chuyên gia Kinh tế trưởng của Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam đánh giá: “Với các quốc gia đang phát triển việc tiếp cận vốn vay và lãi suất đi kèm là rất quan trọng. Khi Việt Nam nâng hạng được tín

hiệm, chi phí vay giảm đi, nền kinh tế sẽ giảm gánh nặng thanh toán, cũng như dành thêm nguồn lực cho tăng trưởng. Do vậy, Việt Nam cần tiếp tục nâng cao hiệu quả tài chính công, phân bổ quản lý nguồn lực công”.

Bà Sagarika Chandre, Giám đốc Đánh giá tín nhiệm quốc gia Fitch Ratings, khu vực châu Á - Thái Bình Dương cho biết: “Các phân tích nhận thấy dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã dần cải thiện sau mức giảm mạnh trong năm ngoái và được dự báo cải thiện 2 năm tiếp theo. Điều này phản ánh sự quay lại của dòng vốn đầu tư nước ngoài mạnh mẽ vào Việt Nam từ nửa cuối năm nay”.

Theo Fitch Ratings, Việt Nam đang có lợi thế thu hút dòng vốn FDI nhờ triển vọng đầu tư thời gian qua, cũng như lợi thế về thương mại thông qua hệ thống các hiệp định thương mại tự do. Việc dịch chuyển chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất toàn cầu gắn với công nghệ đang diễn biến nhanh hơn trong bối cảnh thế giới đang nhiều biến động càng khiến Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn với

các nhà đầu tư. Năm 2022, dựa theo các tiêu chí của Moody's, Việt Nam còn có 2 bậc để trở thành quốc gia đầu tư. Với S&P Global Ratings thì Việt Nam còn 1 bậc để lên mức Đầu tư. Còn với Fitch Ratings, Việt Nam hiện còn 1 bậc để lên được mức Đầu tư. Do đó, Việt Nam đang có nhiều triển vọng để sớm trở thành quốc gia đầu tư vào năm 2030 như mục tiêu đề ra.

Theo Bộ Tài chính: “Việc Fitch nâng định mức tín nhiệm quốc gia của Việt Nam trong bối cảnh thế giới đối mặt với các thách thức về suy giảm tăng trưởng, kinh tế, thương mại cũng như sự gia tăng các rủi ro về tài chính ở nhiều quốc gia đã thể hiện sự đánh giá hết sức tích cực của cộng đồng quốc tế về nỗ lực chỉ đạo, điều hành của Đảng, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam thời gian qua nhằm ổn định vĩ mô và phục hồi kinh tế, củng cố nền tảng chính trị - xã hội. Kết quả này cũng là sự ghi nhận nỗ lực của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan trong việc cập nhật thường xuyên và định kỳ truyền tải thông tin về những thành tựu, kết quả trong phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đến các tổ chức xếp hạng tín nhiệm và cộng đồng nhà đầu tư. Theo đó, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục phối hợp với Fitch và các tổ chức xếp hạng tín nhiệm cũng như tổ chức quốc tế khác để tiếp tục có đánh giá đầy đủ và cập nhật về hồ sơ tín dụng của Việt Nam”.

Nguồn: Báo Công Thương





Những điểm sáng trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam

Cán cân thương mại tiếp tục duy trì trạng thái xuất siêu, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ lớn cho cán cân thanh toán quốc tế.

Theo Bộ Công Thương, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong 11 tháng năm 2023 đã có nhiều điểm sáng. Theo đó, mức độ suy giảm trong xuất khẩu ngày càng được thu hẹp từ mức giảm 12% trong nửa đầu năm 2023 xuống còn 5,9% trong 11 tháng năm 2023.

Bộ Công Thương cho biết, trong xuất khẩu đã thực hiện tốt việc đa dạng hóa thị trường, trong khi xuất khẩu sang các thị trường lớn đều giảm (như Mỹ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản) nhưng xuất khẩu sang các nước châu Phi, Đông Âu, Bắc Âu, Tây Á tăng.

Bên cạnh đó, mức giảm xuất khẩu tại một số thị trường chủ lực dần được thu hẹp so với nửa đầu năm (mức giảm xuất khẩu sang Mỹ thu hẹp từ 22,6% trong nửa đầu năm 2023 xuống 13,1%; sang EU thu hẹp từ 10,1% xuống 8,1%; sang Hàn Quốc thu hẹp từ 10,2% xuống 4%...).

Mức giảm xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước (giảm 2,2%) thấp hơn nhiều so với mức giảm xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô, giảm 7,1%), cho thấy những nỗ lực của khu vực kinh tế trong nước để duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu

trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn.

Số liệu của Bộ Công Thương cho thấy, trong 11 tháng năm 2023 có 33 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó có 07 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66%.

Nhiều nhóm hàng nông sản, gạo, trái cây tận dụng được cơ hội mở cửa thị trường và giá tăng cao để đẩy mạnh xuất khẩu, đây cũng là nhóm hàng duy nhất ghi nhận mức tăng trưởng trong 11 tháng năm 2023 (tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước).



Thực hiện tốt các giải pháp về xuất khẩu sang các nước có chung đường biên giới, hàng hóa cơ bản không bị ách tắc, kể cả lúc cao điểm thời vụ, góp phần gia tăng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc - đây là thị trường duy nhất trong số các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam đạt mức tăng trưởng dương (xuất khẩu của nước ta sang Trung Quốc đảo chiều từ mức giảm 2,2% sang mức tăng 6,2% sau 11 tháng) trong khi các thị trường lớn khác đều giảm.

Trung Quốc mở cửa trở lại tạo nhiều áp lực cạnh tranh đối với hàng xuất khẩu Việt Nam

Bên cạnh những điểm sáng, Bộ Công Thương cũng cho biết, xuất nhập khẩu trong 11 tháng năm 2023 vẫn suy giảm (giảm 5,9%), trong khi hoạt động sản xuất công nghiệp chỉ phục hồi nhẹ (tăng 1%) so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại trong bối cảnh lạm phát cao ở các nước phát triển, nhất là ở các nước là thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như

Mỹ, EU, Trung Quốc dẫn đến tổng cầu tiêu dùng thế giới sụt giảm.

Xu hướng hàng rào bảo hộ gia tăng. Tính đến tháng 11/2023, hàng xuất khẩu của Việt Nam đã phải đối mặt với 238 vụ việc điều tra phòng vệ thương mại từ 24 thị trường; trong đó, đứng đầu là các vụ điều tra chống bán phá giá (132 vụ việc), tiếp đó là các vụ việc tự vệ (48 vụ việc), chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (35 vụ việc) và chống trợ cấp (23 vụ việc).

Bên cạnh số lượng lớn vụ việc nước ngoài điều tra chống bán phá giá đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, một số thị trường xuất khẩu lớn, trong đó có thị trường Hoa Kỳ, cũng tăng cường các hoạt động điều tra lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

Bên cạnh đó, các ngành sản xuất công nghiệp trong nước chủ yếu hướng vào xuất khẩu, phụ thuộc lớn vào thị trường toàn cầu do sản lượng sản xuất trong nước vượt xa nhu cầu của thị trường nội địa, đặc biệt là đối với các ngành hàng như dệt may, da giày, điện tử... chỉ cung ứng cho nhu cầu nội địa 10% sản lượng, 90% sản lượng còn lại là để xuất khẩu.

Đà phục hồi chậm đối với xuất khẩu một số mặt hàng công nghiệp chế biến như dệt may, giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ... Trong khi đó, giá hàng hoá xuất khẩu bình quân 11 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 đi xuống, đặc biệt là đối với các mặt hàng công nghiệp chế biến giảm mạnh ở mức hai con số làm giảm tổng kim ngạch xuất khẩu chung của cả nước, như: cao su giảm 14,7%, dầu thô giảm 17,4%, hạt tiêu giảm 21,3%, phân bón giảm 34,3%, sắt thép giảm 22,9%...

Ngoài ra, việc Trung Quốc mở cửa trở lại cũng tạo nhiều áp lực cạnh tranh đối với hàng xuất khẩu cùng chủng loại của Việt Nam.

Trong khi đó, các doanh nghiệp của ta vẫn còn gặp nhiều khó khăn do đơn hàng nước ngoài giảm, thị trường trong nước sức mua không lớn, chi phí đầu vào vẫn ở mức cao, không dễ dàng trong việc tiếp cận tín dụng...

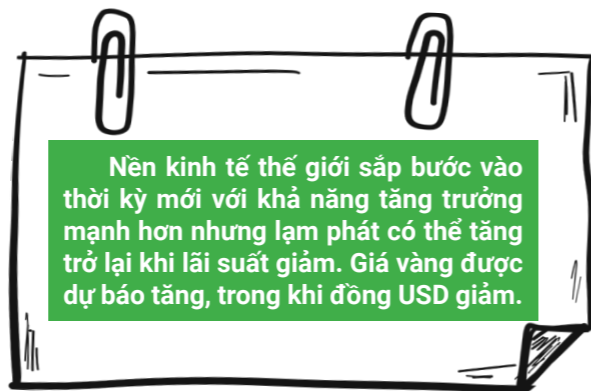
Nguồn: Vnmedia



Anh, EU nổi gót Mỹ dừng tăng lãi suất: Kinh tế thế giới sắp 'dễ thở' hơn

Ngày 14/12, Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) quyết định tiếp tục không tăng lãi suất. ECB giữ lãi suất ở mức cao kỷ lục 4% lần thứ 2 liên tiếp. Trong khi đó, BoE giữ lãi suất không đổi lần thứ 3 liên tiếp ở mức 5,25%.

ECB cho biết sẽ duy trì ở mức độ thắt chặt phù hợp, trong thời gian cần thiết. Còn BoE khẳng định chính sách tiền tệ "cần thắt chặt thêm một thời gian nữa".



Trước đó ngày 13/12, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) lần thứ 3 liên tiếp giữ lãi suất ở mức cao nhất 22 năm, là 5,25-5,5%. Fed có thể giữ lãi suất cao như hiện tại tới cuối quý I hoặc giữa năm 2024.

Như vậy, cả 3 ngân hàng trung ương lớn trên thế giới đều phát tín hiệu lãi suất ở đỉnh và có thể sớm đảo chiều cắt giảm ngay trong năm 2024. Các thành viên Fed cũng dự báo có ít nhất 3 đợt giảm lãi suất trong năm 2024, với giả định mỗi lần giảm 25 điểm cơ bản.

Động thái của ECB, BoE và Fed được đưa ra trong bối cảnh kinh tế ở các khu vực này chậm lại, trong khi lạm phát giảm nhanh. Lạm phát tại khu vực châu Âu giảm từ đỉnh 10% xuống ước khoảng trung bình 5,4% trong năm 2023. Tăng

trưởng kinh tế của khu vực đồng Euro (eurozone) được dự báo xuống còn 0,6% trong năm 2023.

Lạm phát tại Anh xuống 4,6% trong tháng 10. Đây là mức thấp nhất hai năm, nhưng vẫn cao hơn mục tiêu 2% của BoE. Tình trạng này cũng tương tự tại Mỹ và eurozone.

Trước đó, kể từ khoảng tháng 3-7/2022, Fed, ECB và BoE liên tiếp tăng lãi suất để chống lạm phát. Fed đã có chuỗi 11 lần tăng, BoE 14 lần, ECB 10 lần.

Thế giới bước vào thời kỳ mới

Nếu không có gì thay đổi bất ngờ, 3 ngân hàng trung ương lớn trên thế giới ECB, BoE và Fed có thể đảo chiều chính sách tiền tệ, bắt đầu giảm lãi suất từ giữa

năm 2024.

Khi đó, nền kinh tế thế giới sẽ bước vào thời kỳ mới với lãi suất dễ thở hơn, kinh tế có khả năng tăng trưởng mạnh hơn nhưng lạm phát có thể tăng trở lại. Giá vàng được dự báo tăng, trong khi đồng USD giảm.

Việc đồng USD giảm sẽ giảm áp lực lên tỷ giá của nhiều quốc gia, kích thích tăng trưởng kinh tế.

Gần đây, với những tín hiệu từ chính sách tiền tệ của Fed, tỷ giá USD/VND giảm trở về ngưỡng 24.300-24.400 đồng/USD (giá bán tại Vietcombank), thay vì mức 24.750 đồng/USD hồi đầu tháng 11.

Dù vậy, kinh tế thế giới trong năm 2024 còn đối mặt nhiều rủi ro trong một năm có bầu cử tại nhiều nước như Mỹ và căng thẳng địa chính trị khó lường. Lạm phát cũng có thể quay trở lại khiến các nước gặp khó trong nỗ lực giảm nhanh lãi suất.

Theo báo cáo của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) hôm 13/12, dự báo tăng trưởng kinh tế cho các nền kinh tế đang phát triển ở Châu Á và Thái Bình Dương sẽ là 4,9% trong năm 2023, Việt Nam dự kiến tăng trưởng 5,2% trong năm 2023 và 6% trong năm 2024.

Theo ADB, chính sách tiền tệ thận trọng và chủ động của Việt Nam, được hỗ trợ bởi việc kiểm soát hiệu quả giá xăng, điện, thực phẩm, chăm sóc sức khỏe và giáo dục, sẽ giúp kiểm soát lạm phát. Dự báo lạm phát tại Việt Nam được duy trì ở mức 3,8% cho năm 2023 và 4% cho năm 2024.

Nguồn: Vietnamnet

<https://vcosa.vn>



JOIN NOW

SETTING A NEW STANDARD IN MORE SUSTAINABLE COTTON PRODUCTION

Launched in 2020, the U.S. Cotton Trust Protocol was designed to set a new standard in **more sustainably grown cotton**, ensuring that it contributes to the **protection and preservation of the planet**, using the most sustainable and responsible techniques. It is the only system that provides quantifiable, verifiable goals and measurement in **six key sustainability metrics** and article-level supply chain transparency.

The Trust Protocol provides **brands and retailers the critical assurances** they need to show the cotton fiber element of their supply chain is more sustainably grown with **lower environmental and social risk**.

Trust in a smarter cotton future.



To learn more or become a member, **TrustUSCotton.org**



Các ngân hàng trung ương ngừng tăng lãi suất.

TIN TỨC - HOẠT ĐỘNG - SỰ KIỆN VCOSA

- Tiếp nối chuỗi hoạt động, sự kiện của Tổ chức Sáng kiến Thương mại bền vững (IDH), ngày 01/12/2023, VCOSA tham dự cuộc họp cùng các thành viên nòng cốt gồm IDH, VITAS, VCOSA, LEFASO, kiến nghị Bộ Công Thương chủ trì thành lập Tổ công tác Công - Tư hỗ trợ phát triển bền vững ngành Dệt May và Da Giày, tiến đến gia hạn Thỏa thuận hợp tác công tư đã ký kết từ 2016. Ngày 07/12/2023, ông Nguyễn An Toàn cùng đại diện VCOSA tham dự Diễn đàn Khu công nghiệp lần thứ nhất do IDH tổ chức tại Hà Nội và Lễ kỷ niệm 15 năm thành lập tổ chức IDH.



Ông Nguyễn An Toàn, Chủ tịch VCOSA, trả lời phỏng vấn truyền thông tại buổi họp



Ông Huỳnh Tiến Dũng, Giám đốc Quốc gia, IDH Việt Nam và Ông Nguyễn An Toàn tại buổi hội thảo

- Tối cùng ngày, đại diện VCOSA tham dự Lễ chào mừng Tuỳ viên Nông nghiệp cấp cao Andrew Anderson-Sprecher.
- Ngày 08/12/2023, ông Nguyễn An Toàn, Chủ tịch VCOSA tham dự trực tuyến buổi họp Giao ban Liên đoàn Doanh nghiệp Quý IV/2023 với chủ đề **"CẬP NHẬT TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ/DOANH NGHIỆP NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2023 & TRAO ĐỔI CÁC ĐỊNH HƯỚNG HỖ TRỢ DN TƯ NHÂN NĂM 2024"** do Ban IV chủ trì tại TP.HCM. Nội dung cuộc họp xoay quanh vấn đề cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô/doanh nghiệp và các chính sách mới.
- Cùng ngày, đại diện VCOSA tham dự hội thảo **"Thị trường ASEAN: Từ các sáng kiến đến hành động"** và Hội thảo cấp kỹ thuật **"Phát triển mạng lưới đối tác cho Cổng thông tin doanh nghiệp và Cổng ASEAN Access"** nhằm mở rộng mạng lưới đối tác hỗ trợ DN VN tham gia các nền tảng số về hỗ trợ và kết nối doanh nghiệp. Các hội thảo do Cục Phát triển Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch & Đầu tư phối hợp với tổ chức Hợp tác quốc tế Đức GIZ tổ chức trong khuôn khổ Dự án **"Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ASEAN thực hiện tại Việt Nam giai đoạn II"**.
- Ngày 11/12/2023, VCOSA đón tiếp đại diện đến từ công ty TNHH TM & Tư vấn Newtech và công ty Công nghệ Inovance Tô Châu, Trung Quốc để giới thiệu, thảo luận về mục tiêu tổ chức hội thảo kỹ thuật ngành sợi vào quý I năm 2024.
- Ngày 12/12/2023, VCOSA có buổi gặp trao đổi về các tiềm năng hợp tác trong năm 2024 với đại diện Cát Tường Group tại TP.HCM.
- Ngày 13 và 15/12/2023, VCOSA cùng nhiều DN hội viên kéo sợi OE tham dự **Hội nghị đối thoại về chính sách và TTHC thuế - Hải quan 2023**. Đây là hội nghị thường niên được tổ chức nhằm thông tin, tuyên truyền về các chính sách và thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực thuế, hải quan, giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp và tăng cường quan hệ hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan thuế, hải quan. Tại hội nghị, ông Nguyễn An Toàn, Chủ tịch VCOSA đã nêu ý kiến, kiến nghị về các khó khăn, vướng mắc thực tại của các DN kéo sợi OE. Ông Hoàng Việt Cường, Phó Cục trưởng TCHQ đã có chỉ đạo tổng hợp thông tin và sớm tổ chức cuộc họp cùng VCOSA và các DN sợi OE.
 - Ngày 18/12/2023, Cục XNK, Bộ Công Thương đã có công văn đề nghị TCHQ sớm nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan chuyên môn để thống nhất hướng xử lý phù hợp cho các DN sợi OE.
 - Ngày 20/12/2023, Cục Hải quan Hải Phòng gửi công văn giải thích sự việc và xin chỉ đạo của TCHQ.

- Ngày 21/12/2023, VCOSA gửi công văn đến Viện Nghiên cứu Dệt May (Viện DM) đề xuất cuộc họp nhằm xin đóng góp thêm ý kiến chuyên ngành về việc phân loại hàng hóa, cụ thể là bông rơi chải thô, bông rơi chải kỹ. Chiều ngày 22/12/2023, tại trụ sở Viện DM, các bên gồm đại diện Viện DM, VCOSA cùng các DN sợi OE có liên quan đã trao đổi và thống nhất một số nội dung cần thiết, nhằm chuẩn bị cho cuộc họp với TCHQ sắp tới. Viện DM gửi công văn phản hồi VCOSA vào sáng ngày 25/12/2023 nhằm xác định và làm rõ hơn việc bông rơi chải thô có thể dùng làm nguyên liệu sản xuất sợi OE.

- Tối ngày 14/12/2023 tại Hà Nội, ông Nguyễn An Toàn, Chủ tịch VCOSA đã tham dự tiệc chiêu đãi theo lời mời của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn tổ chức, nhân dịp Bộ trưởng Ngoại giao và Bộ trưởng Nông nghiệp, Nghề cá và Gia súc Cộng hòa Benin thăm chính thức Việt Nam. Trong tiệc chiêu đãi, các bên cùng nhau trao đổi về khả năng hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực bông xơ – sản xuất sợi giữa Benin và Việt Nam.



Ông Cossi Gaston Dossohoui, Bộ trưởng Nông nghiệp, Nghề cá và Gia súc Cộng hòa Benin và Ông Nguyễn An Toàn, Chủ tịch VCOSA



Toàn cảnh buổi tiệc chiêu đãi đoàn công tác Cộng hòa Benin, do Bộ Ngoại giao Việt Nam tổ chức

- Ngày 16/12/2023, ông Nguyễn An Toàn, Chủ tịch VCOSA cùng đại diện công ty CP Giải Pháp Dệt May Bền Vững (STS) đã chính thức ký Biên bản ghi nhớ (MOU) và Thỏa thuận hợp tác, theo đó VCOSA sẽ trở thành đơn vị đồng tổ chức cho sự kiện **Texfuture Việt Nam** hằng năm, kể từ 2024. Texfuture Việt Nam là triển lãm "toàn cầu am hiểu địa phương", một trong những sự kiện chuyên đề của dệt may và thời trang bền vững, lấy vải cao cấp làm sản phẩm chủ đạo, được tổ chức thường niên 6 tháng/lần.
- Cùng ngày, ông Nguyễn An Toàn, Chủ tịch VCOSA tham dự Hội nghị **Tổng kết công tác năm 2023** do Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS) tổ chức với chủ đề **"Phát huy nội lực – Liên kết toàn diện – Phát triển bền vững"**. Nội dung hội nghị nhằm định hướng phát triển của ngành dệt may Việt Nam, tiến dần lên các phương thức sản xuất mang lại giá trị gia tăng cao hơn. Xa hơn nữa, đến năm 2035, đóng góp chủ yếu vào giá trị xuất khẩu dệt may sẽ đến từ xuất khẩu các sản phẩm mang thương hiệu Việt.



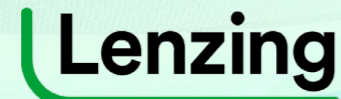
Bà Nguyễn Ngọc Khánh Nhật, Tổng Giám đốc công ty STS và ông Nguyễn An Toàn, Chủ tịch VCOSA ký kết MOU và Thỏa thuận hợp tác cho sự kiện Triển lãm vải cao cấp Texfuture Việt Nam từ năm 2024



CHÀO MỪNG HỘI VIÊN MỚI GIA NHẬP



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI VIỆT TRÍ



Innovative by nature

LENZING GROUP



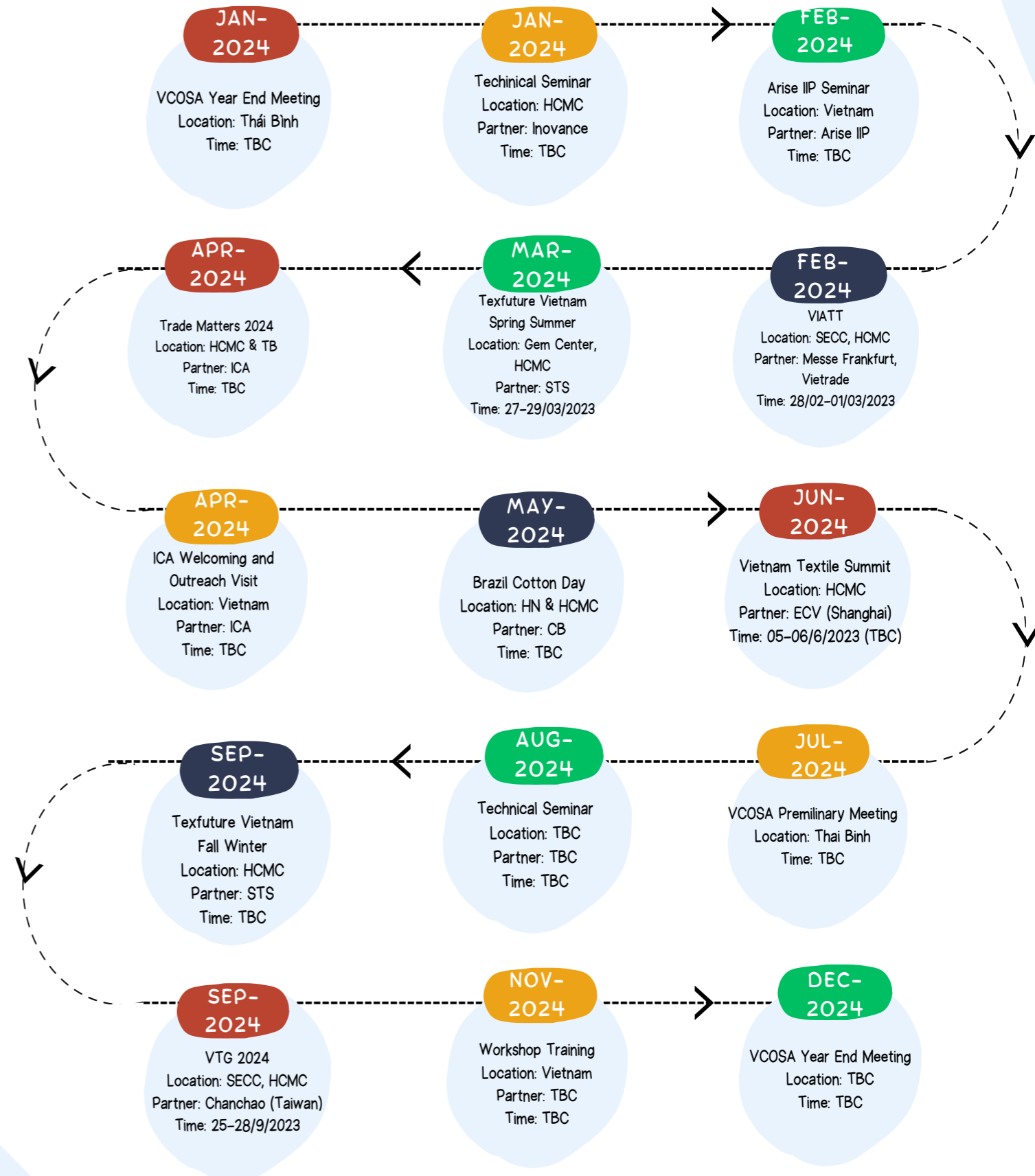
Bền vững và phát triển

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BÔNG SỢI
HOÀNG TUẤN

WELCOME!

VCOSA EVENT TIMELINE 2024

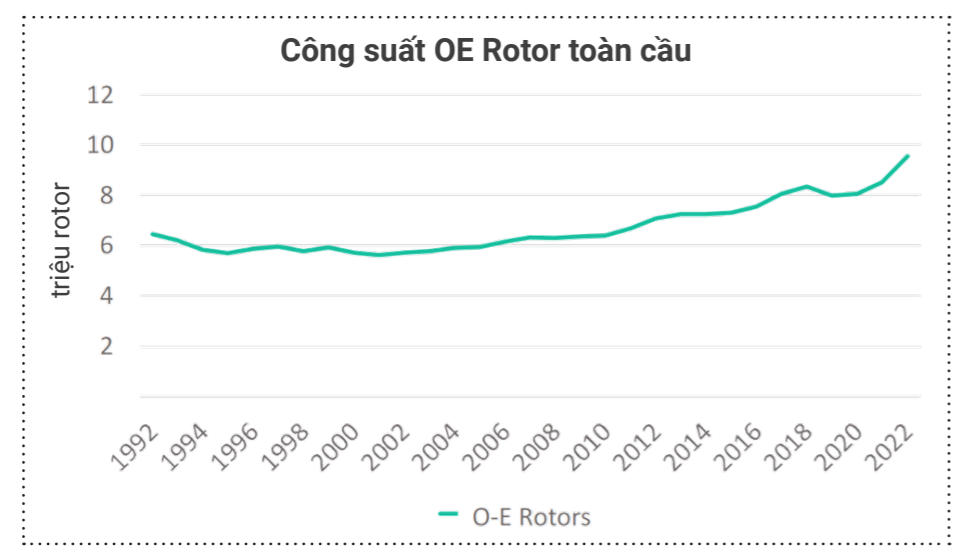
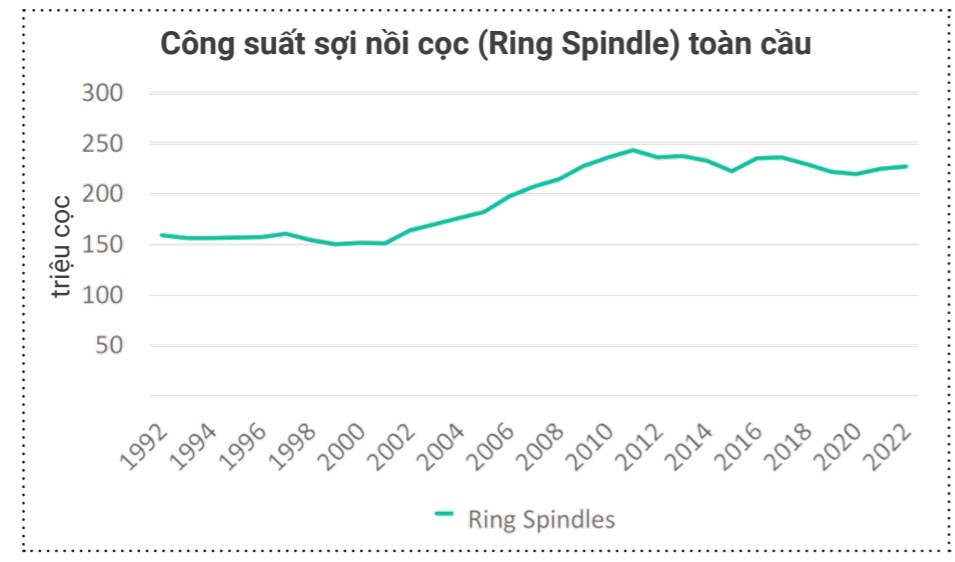
VIETNAM COTTON & SPINNING ASSOCIATION



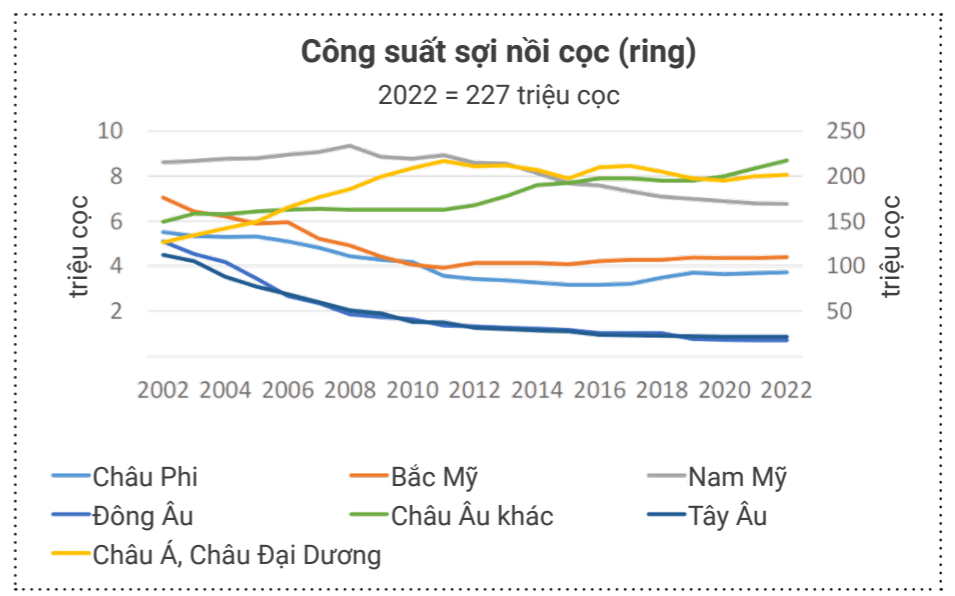
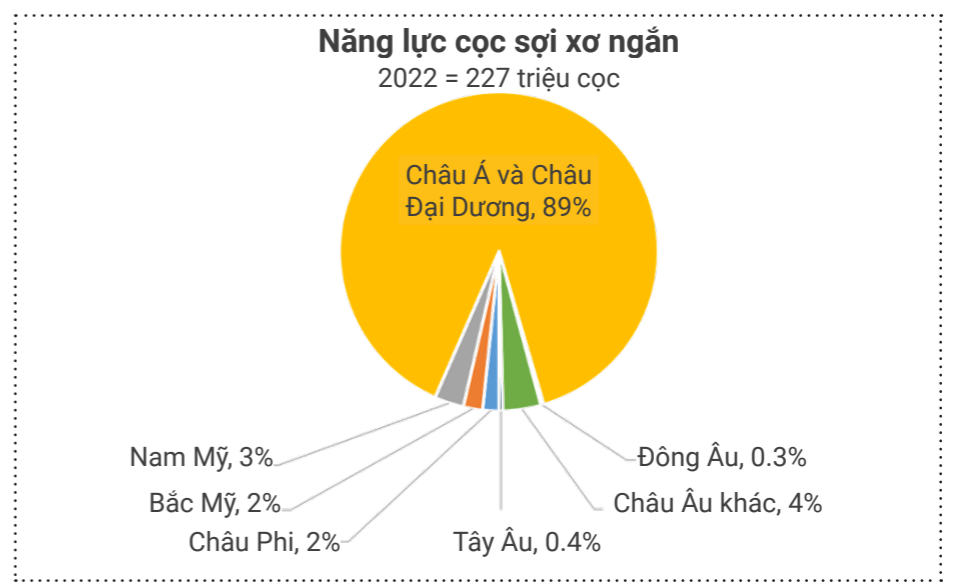
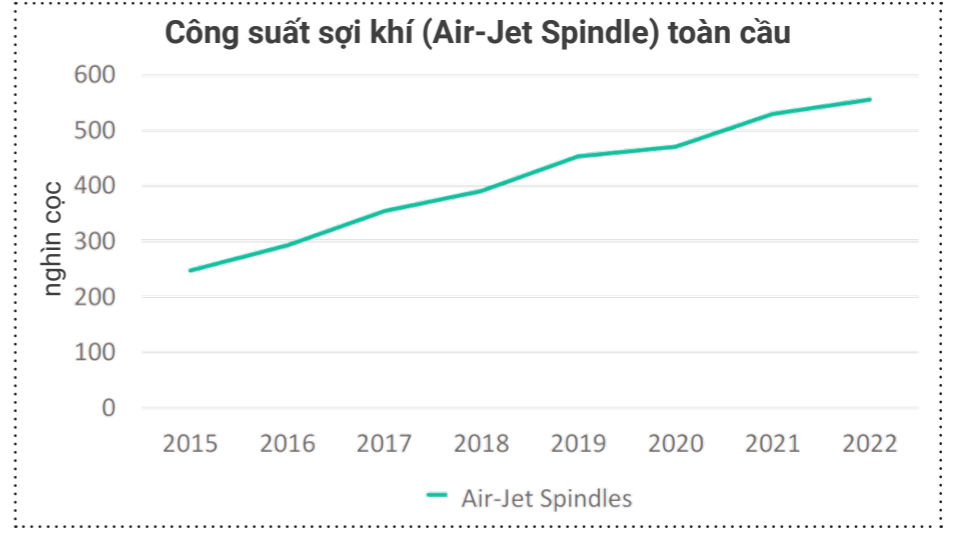
SỐ LIỆU THỐNG KÊ CẬP NHẬT NGÀNH SỢI DỆT TOÀN CẦU

♦ Số liệu được cập nhật từ nguồn Liên Đoàn Các Nhà Sản Xuất Sợi Dệt Quốc Tế (ITMF)

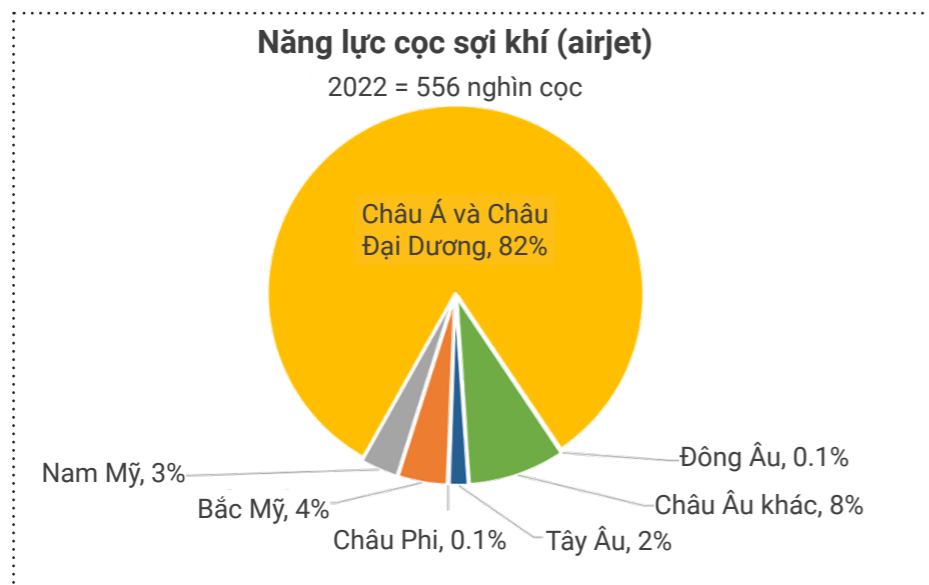
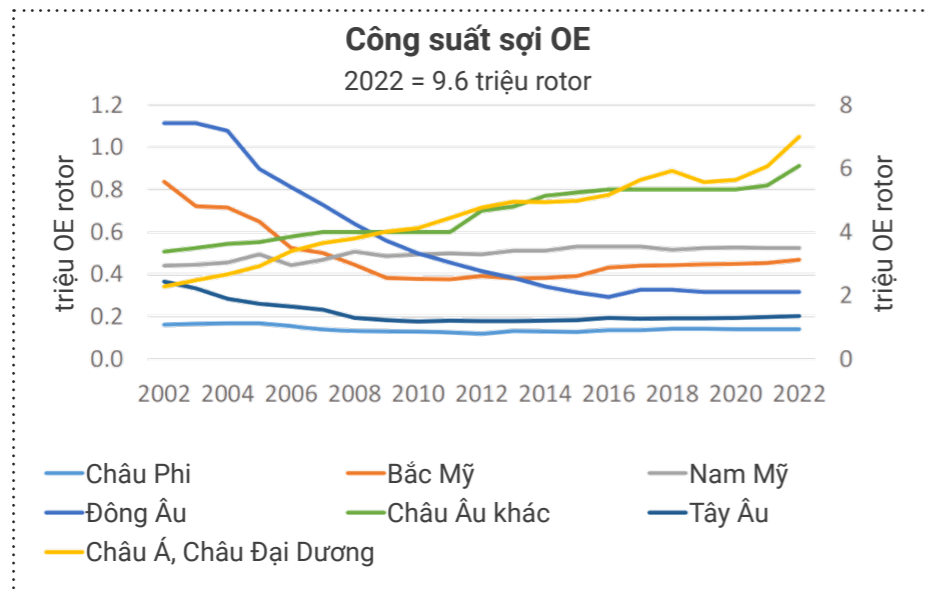
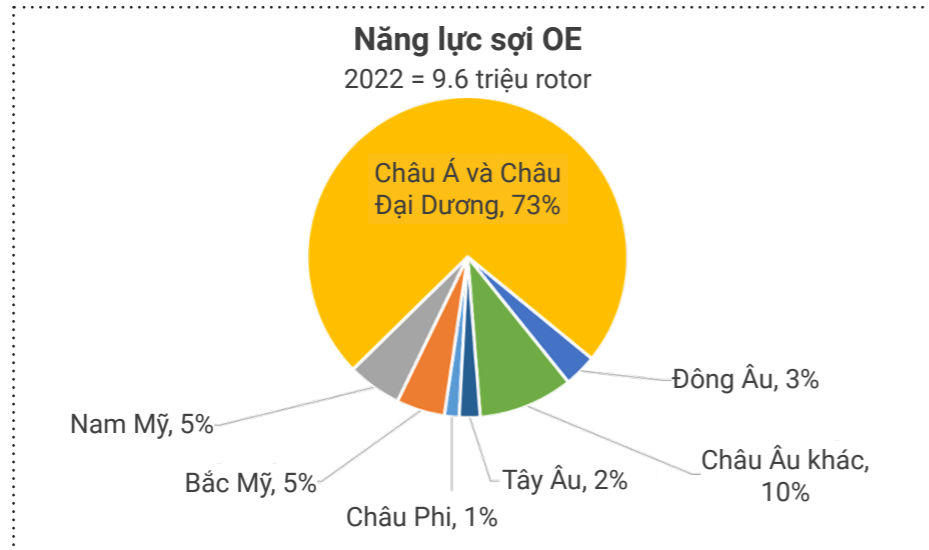
1. Số liệu tổng hợp về máy kéo sợi (Spinning Machinery)



Nguồn: ITMF
<https://vcosa.vn>

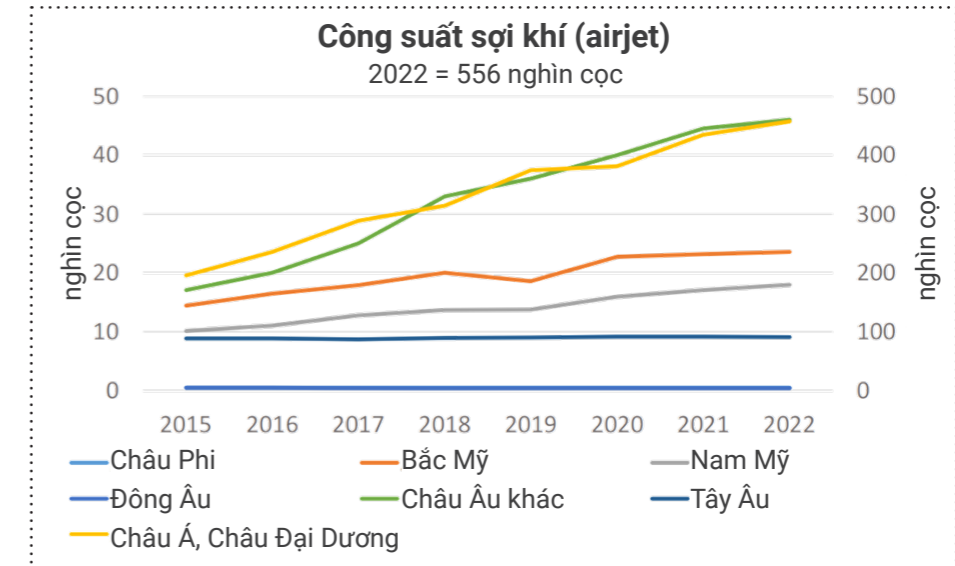


Nguồn: ITMF
<https://vietnamyarnprice.com>



Nguồn: ITMF

<https://vcosa.vn>



Lượng thiết bị được lắp đặt tại các khu vực năm 2022

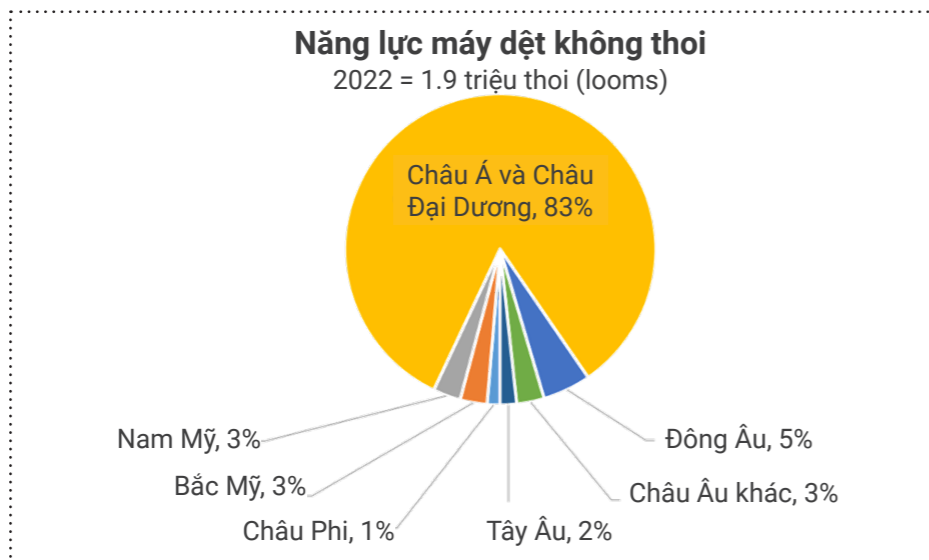
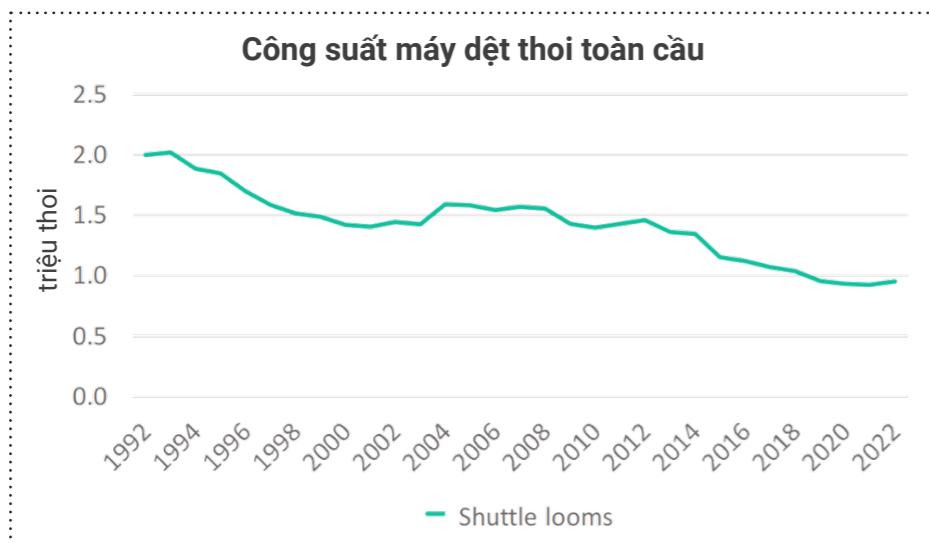
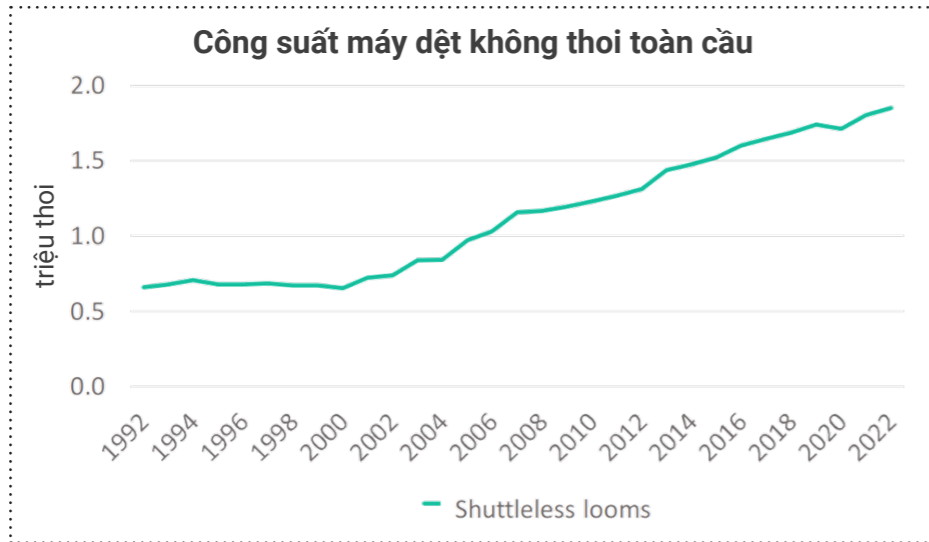
Khu vực	Cọc sợi khí	Rotors	Cọc sợi xơ ngắn
Châu Phi	520	140'400	3'731'200
Bắc Mỹ	23'630	468'030	4'393'200
Nam Mỹ	18'020	523'750	6'784'000
Châu Á, Châu Đại Dương	457'870	7'005'300	201'613'180
Đông Âu	470	316'700	707'500
Châu Âu khác	46'100	912'000	8'705'000
Tây Âu	9'120	202'310	871'970
Thế giới	555'730	9'568'490	226'806'050



Nguồn: ITMF

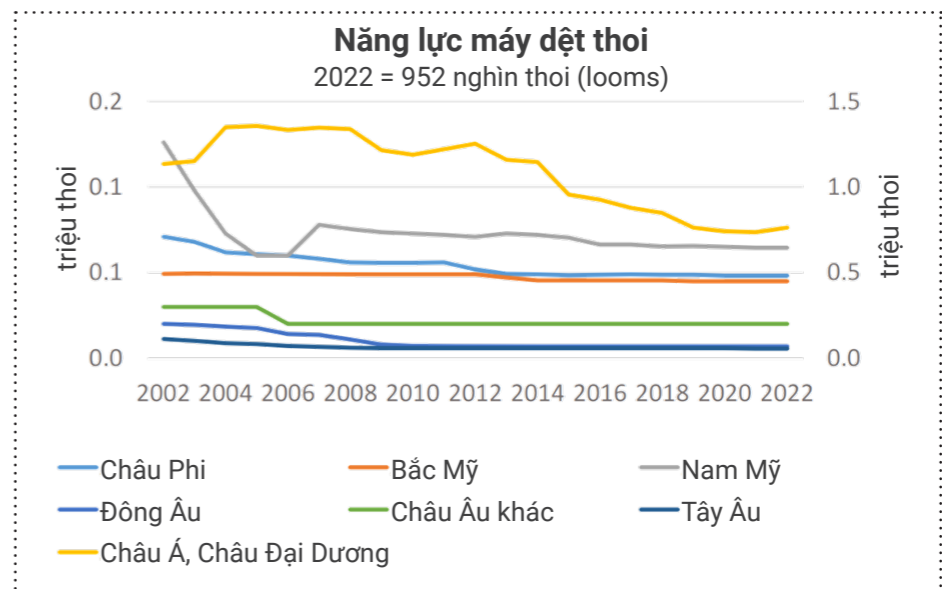
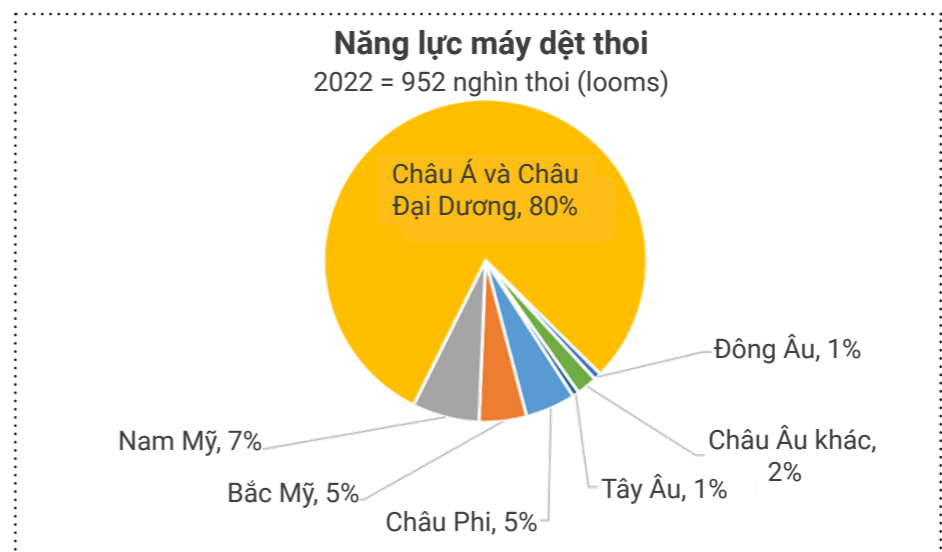
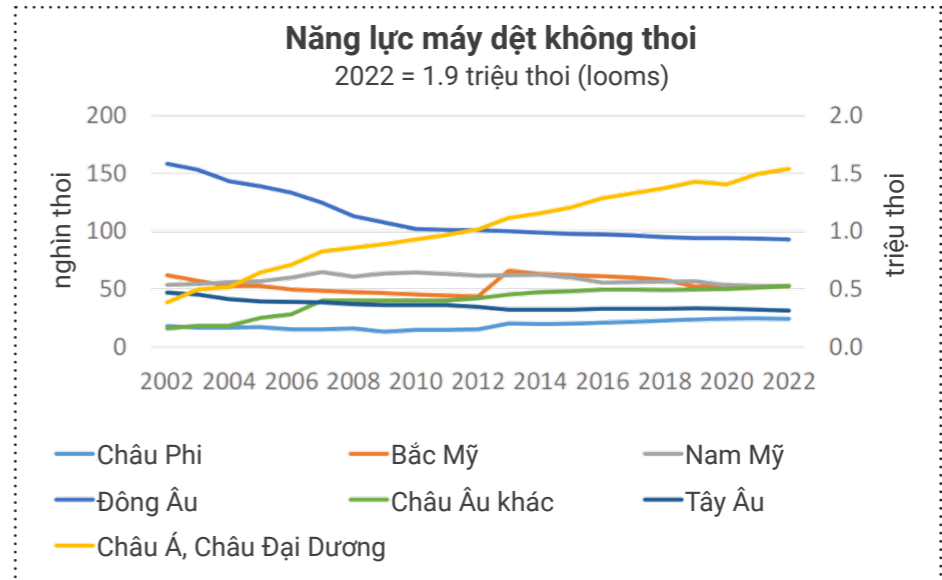
<https://vietnamyarnprice.com>

2. Số liệu tổng hợp về máy dệt (Weaving Machinery)



Nguồn: ITMF

<https://vcosa.vn>



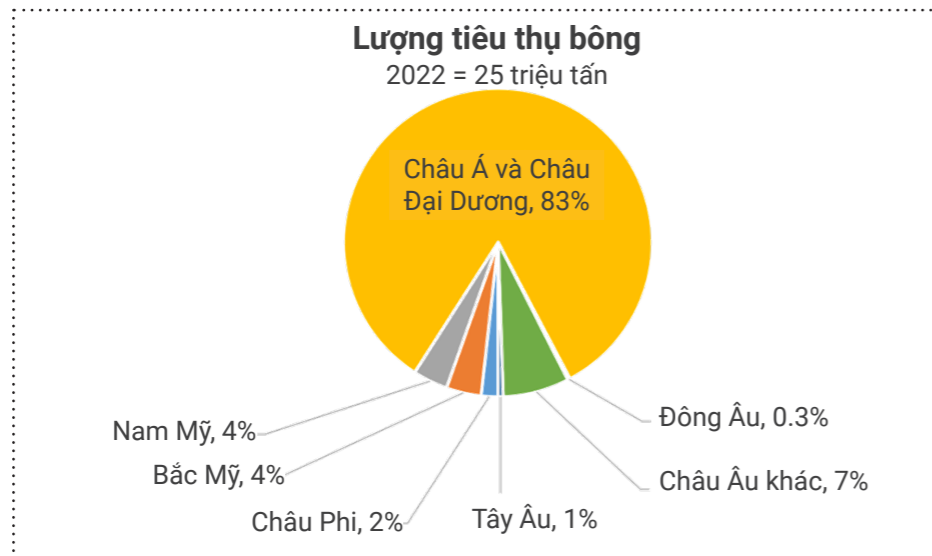
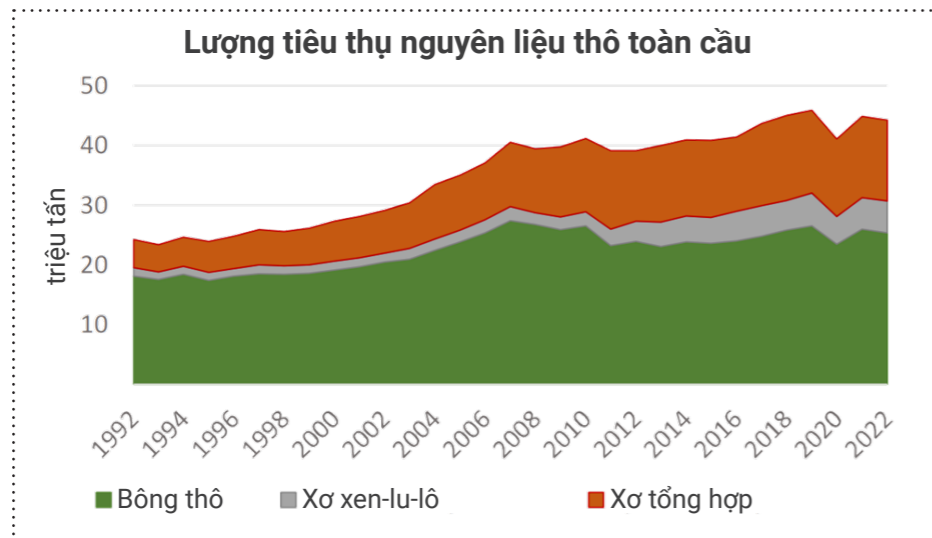
Nguồn: ITMF

<https://vietnamyarnprice.com>

Lượng thiết bị được lắp đặt tại các khu vực năm 2022

Khu vực	Máy dệt thoi	Máy dệt không thoi
Châu Phi	48'210	24'340
Bắc Mỹ	45'000	52'300
Nam Mỹ	64'300	52'800
Châu Á, Châu Đại Dương	762'420	1'543'420
Đông Âu	6'840	92'930
Châu Âu khác	20'000	52'700
Tây Âu	5'620	31'510
Thế giới	952'390	1'850'000

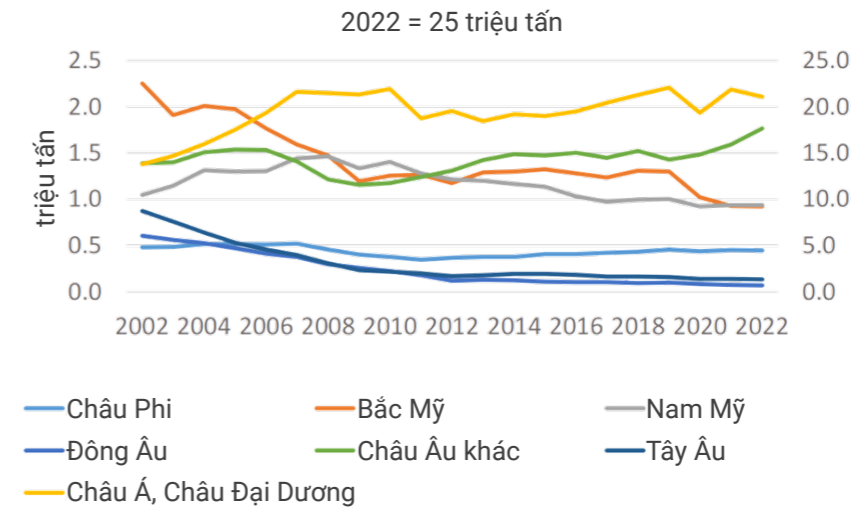
3. Số liệu tổng hợp về lượng tiêu thụ nguyên liệu thô



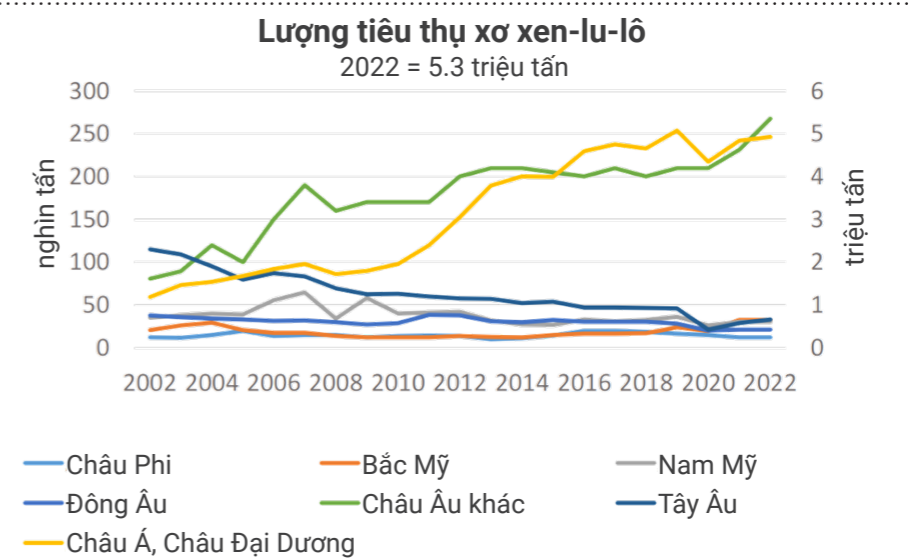
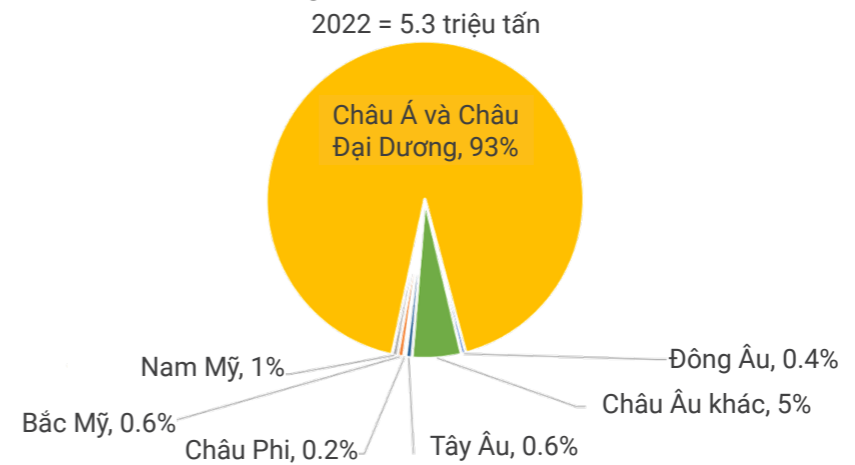
Nguồn: ITMF

<https://vcosa.vn>

Lượng tiêu thụ bông

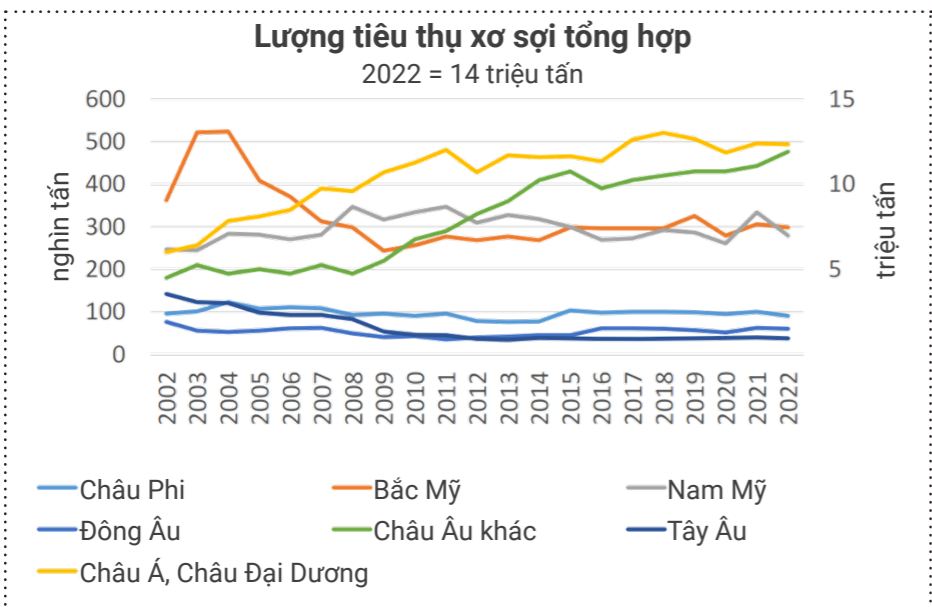
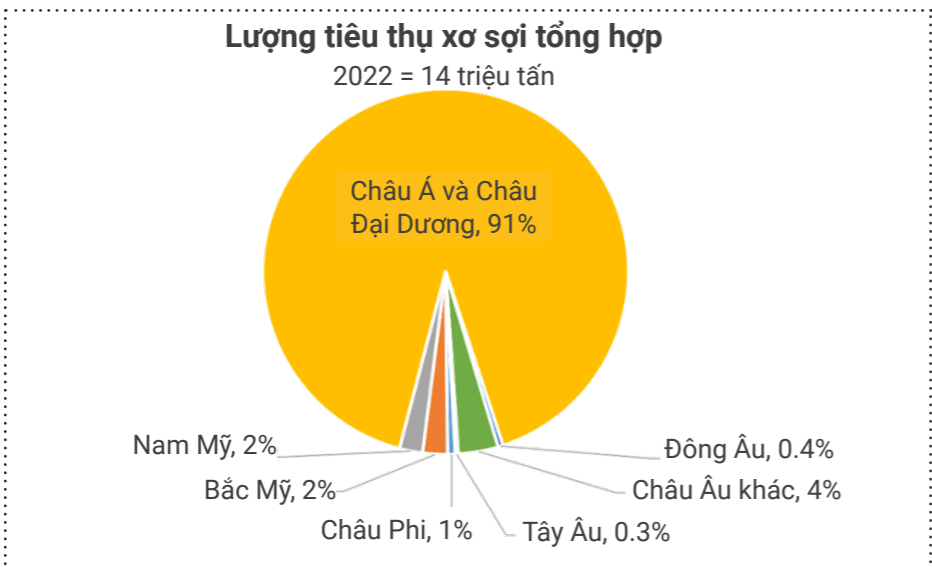


Lượng tiêu thụ xơ xen-lu-lô



Nguồn: ITMF

<https://vietnamyarnprice.com>



Lượng tiêu thụ nguyên liệu thô tại các khu vực năm 2022

Khu vực	Xơ xen-lu-lô	Bông thô	Xơ tổng hợp	Tổng cộng
Châu Phi	12'090	443'530	90'550	546'170
Bắc Mỹ	32'440	924'770	298'530	1'255'740
Nam Mỹ	30'120	938'210	279'060	1'247'390
Châu Á, Châu Đại Dương	4'928'290	21'061'150	12'330'280	38'319'720
Đông Âu	21'120	68'930	60'340	150'390
Châu Âu khác	268'000	1'766'000	477'000	2'511'000
Tây Âu	33'010	135'290	37'450	205'750
Thế giới	5'325'070	25'337'880	13'573'210	44'236'160

Nguồn: ITMF

<https://vcosa.vn>



ARISE IIP: Cotton's Transformative Role in Africa

Vai trò Đột Phá của Ngành Bông ở Châu Phi

ariseiipvn.com

ARISE IIP: Vai trò Đột Phá của Ngành Bông ở Châu Phi

Bông là một trong những trụ cột của nền kinh tế khu vực phía Cận Sahara ở Châu Phi. Là một loại cây trồng xuất khẩu chính và quan trọng cho ngành công nghiệp dệt may trong nước, bông góp phần nâng cao đời sống của những nông dân nhỏ và thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. Ngoài ra, Châu Phi đóng góp 8% vào sản lượng bông của thế giới, với các lưu vực bông phong phú ở Tây Phi dẫn đầu. Các quốc gia như Benin và Togo xuất khẩu tới 99% sản lượng bông của họ sang châu Á.

GDIZ - Trung tâm Ngành Bông Cotton của Châu Phi: Khu Công nghiệp Glo-Djigbé ở Benin, được phát triển thông qua sự hợp tác giữa ARISE IIP và Chính phủ Benin, là minh chứng cho khả năng sản xuất hiện đại của Châu Phi với giá trị đầu tư lên đến 100 triệu đô la.

1. Bước Tiến Bền Vững:

- 100% bông nguồn gốc bền vững theo sáng kiến CMiA.
- Hợp tác với CO2logic để giảm dấu chân carbon.
- Sử dụng hóa chất kiểm soát và tăng cường tái chế.
- 95% tái sử dụng nước và sản xuất năng lượng mặt trời tại chỗ.

2. Trao Quyền Cho Nền Kinh Tế Địa Phương:

- Gia tăng giá trị tại nguồn đảm bảo giá cả công bằng cho người sản xuất.
- Hệ thống hậu cần tích hợp giảm chi phí.
- Mở rộng quyền truy cập thị trường cho các nhà sản xuất nhỏ.
- Nguồn nhân lực lành nghề thông qua các Trung Tâm Đào Tạo May Mặc.

ARISE IIP, với vai trò là nhà phát triển và điều hành các khu công nghiệp tiêu chuẩn thế giới ở Châu Phi. Hiện tại, chúng tôi sở hữu 17 Khu công nghiệp tại Tây Phi. Với vị trí địa lý chiến lược, nguồn nhân lực dồi dào và nguyên liệu thô, Tây Phi dần trở thành điểm đến đáng chú ý cho các nhà đầu tư trong ngành công nghiệp dệt may. Cụ thể, GDIZ ở Togo và PIA ở Benin là hai khu công nghiệp của ARISE IIP với nhiều ưu điểm độc đáo cho ngành công nghiệp dệt may.

Chúng tôi rất hân hạnh để nghe chia sẻ về kế hoạch mở rộng sản xuất của Quý doanh nghiệp tại Châu Phi. Hãy liên hệ với chúng tôi ngay hôm nay.

SỐ LIỆU THỐNG KÊ

1. Số liệu nhập khẩu

Mặt hàng	Tháng 11/2023		So với tháng trước (%)		11 tháng 2023		So với cùng kỳ năm trước (%)	
	Lượng (Nghìn tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (Nghìn tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng	Trị giá
Bông các loại	119,8	237,1	11,4	9,5	1.216,6	2.590,7	-8,9	-31,3
Xơ, sợi dệt các loại	99,6	194,1	3,6	-0,2	957,5	1.994,4	-0,7	-16,3
Vải các loại	-	1.176,6	-	3,9	-	11.874,0	-	-13,2
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	-	536,7	-	8,1	-	5.482,6	-	-11,8
Tổng cộng	-	2.144,6	-	5,3	-	21.941,8	-	-18,2

Tháng 11/2023, lượng nhập khẩu bông tăng 11,4% và kim ngạch tăng 9,5% so với tháng trước. Nhập khẩu xơ, sợi tăng 3,6% về lượng nhưng kim ngạch giảm nhẹ 0,2% so với tháng trước.

Lũy kế 11 tháng đầu năm 2023, cả lượng và kim

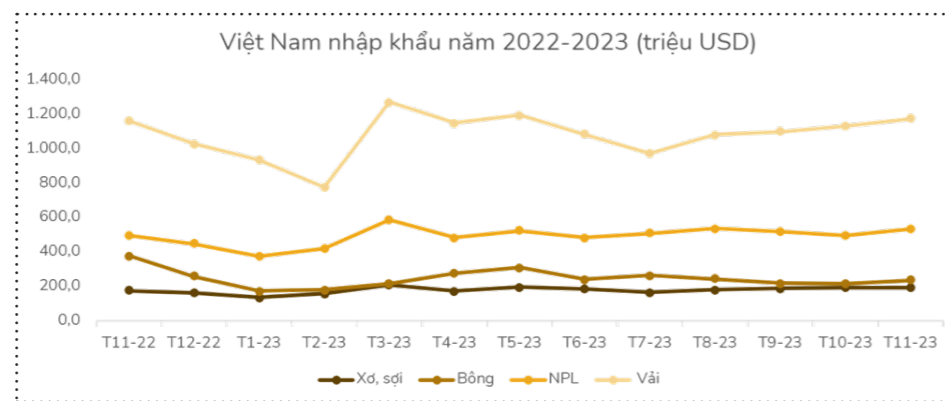
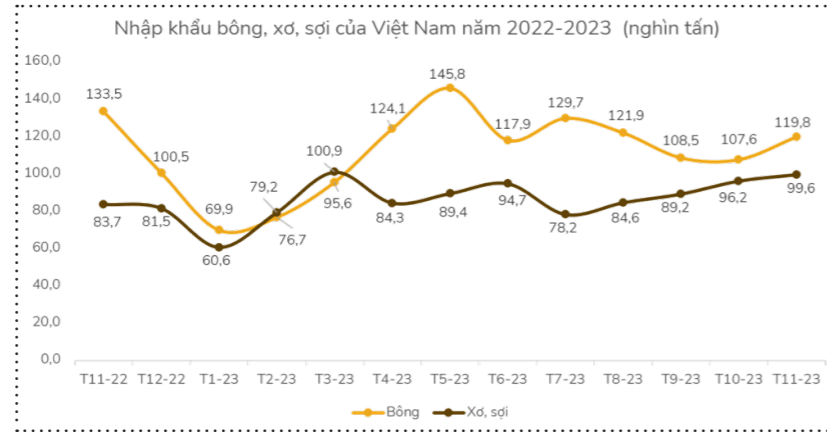
ngạch nhập khẩu bông đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Lượng nhập khẩu xơ, sợi lũy kế giữ ổn định nhưng kim ngạch giảm 16,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 11/2023, lượng nhập khẩu bông là 119,8 nghìn tấn, tăng 11,4% so với tháng trước.

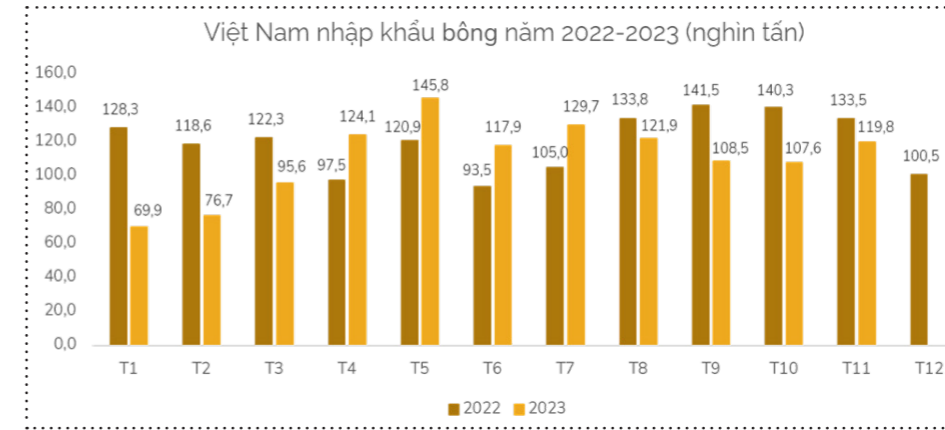
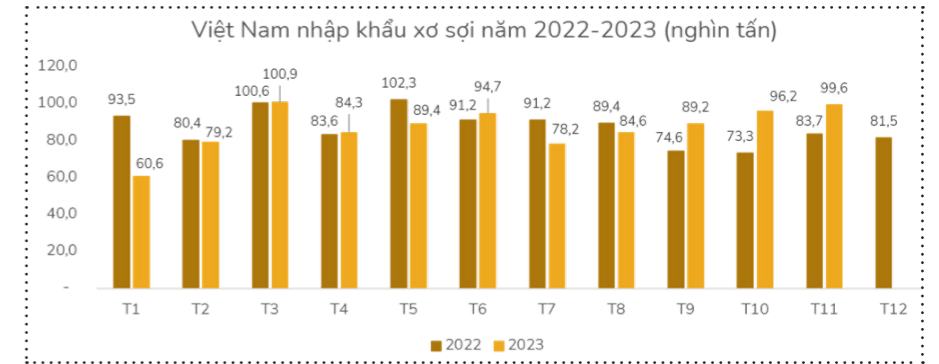
Nhập khẩu xơ, sợi là 99,6 nghìn tấn, tăng 3,6% so với tháng trước.

Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng dệt may trong tháng 11 đều tăng, trong đó, bông và nguyên phụ liệu dệt may tăng mạnh nhất.

- Nhập khẩu xơ, sợi: 194,1 triệu USD, giảm nhẹ 0,2% so với tháng trước.
- Nhập khẩu bông: 237,1 triệu USD, tăng 9,5%.
- Nhập khẩu vải: 1,176 tỷ USD, tăng 3,9%.
- Nhập khẩu nguyên phụ liệu cho ngành dệt may da giày: 536,7 triệu USD, tăng 8,1% so với tháng trước.

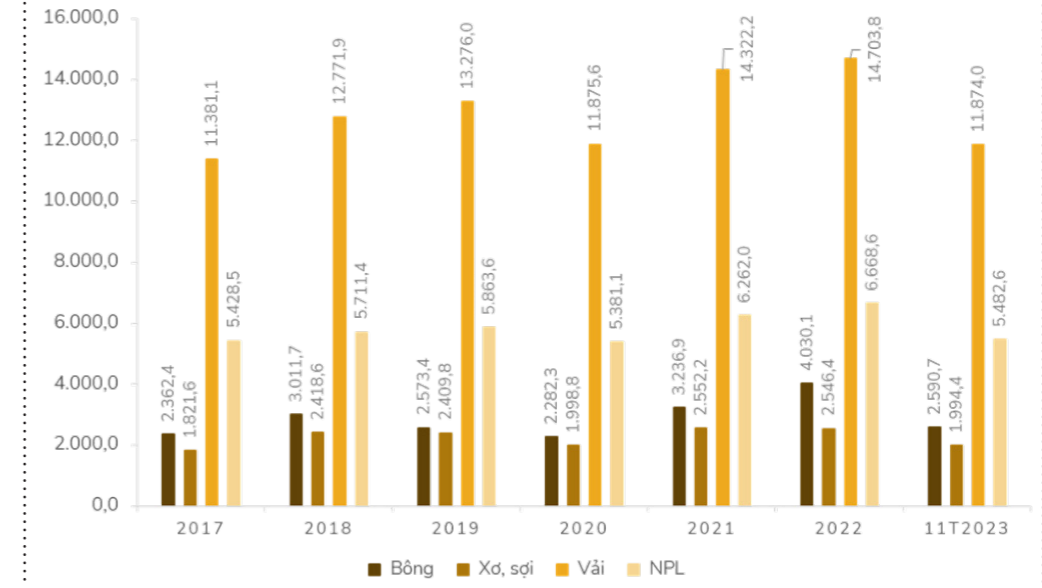


Thông tin thống kê sơ bộ cho thấy rằng trong tháng 11/2023, Việt Nam đã nhập khẩu 99,6 nghìn tấn xơ, sợi. Lượng nhập khẩu này tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 19% so với cùng kỳ năm trước.



Tháng 11/2023, Việt Nam nhập khẩu 119,8 nghìn tấn bông, tăng 11,4% so với tháng 10/2023 nhưng giảm 10,2% so với cùng kỳ năm 2022.

NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 2017 - 2023 (TRIỆU USD)



Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng dệt may trong 11 tháng năm 2023 đều giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó bông giảm mạnh nhất.

- Nhập khẩu bông: 2,59 tỷ USD, giảm 31,3% so với cùng kỳ năm trước.
- Xơ, sợi: 1,99 tỷ USD, giảm 16,3%.
- Vải: 11,87 tỷ USD, giảm 13,2%.
- Nguyên phụ liệu dệt may da giày: 5,48 tỷ USD, giảm 11,8%.

1.1 Giá nhập khẩu bông nguyên liệu giảm trở lại

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu bông về Việt Nam trong tháng 10/2023 đạt 107,59 nghìn tấn, trị giá 216,61 triệu USD, giảm 0,8% về lượng và giảm 1,7% về trị giá so với tháng 9/2023; giảm 23,3% về lượng và giảm mạnh 47,6% về trị giá so với tháng 10/2022.

Tính chung 10 tháng năm 2023, lượng bông nhập khẩu về

Việt Nam đạt 1,09 triệu tấn, trị giá 2,35 tỷ USD, giảm 8,7% về lượng và giảm 30,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó, nhập khẩu bông nguyên liệu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tháng 10/2023, đạt 76 nghìn tấn, trị giá 153 triệu USD, giảm 3,8% về lượng nhưng tăng 1,3% về trị giá so với tháng 9/2023; giảm 29,6% về lượng và giảm 53,2% về

trị giá so với tháng 10/2022. Tính chung trong 10 tháng năm 2023, nhập khẩu bông nguyên liệu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 735 nghìn tấn, trị giá 1,62 tỷ USD, giảm 11,9% về lượng và giảm 32,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 67,1% trong tổng lượng và 69,1% trong tổng trị giá nhập khẩu bông nguyên liệu của cả nước.

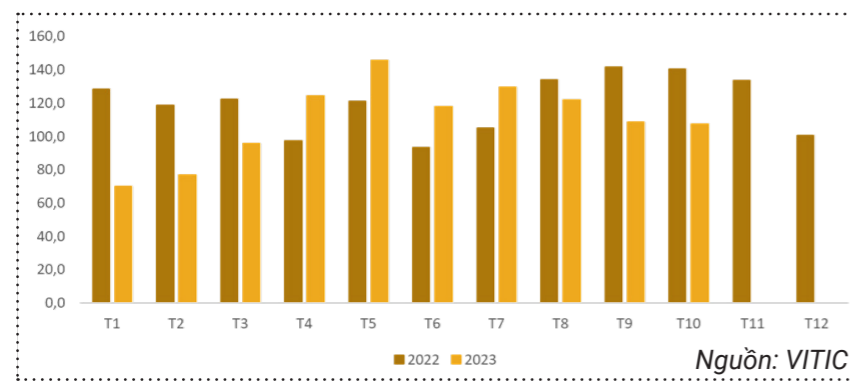
Trong 10 tháng năm 2023, có 13 thị trường cung cấp bông nguyên liệu cho Việt Nam, tăng 3 thị trường so với cùng kỳ năm 2022. Lượng nhập khẩu bông nguyên liệu của Việt Nam từ tất cả thị trường chính giảm so với cùng kỳ năm 2022, trừ thị trường Australia tăng. Cụ thể:

Việt Nam nhập khẩu bông nguyên liệu nhiều nhất từ thị trường Mỹ trong 10 tháng năm 2023, với lượng nhập khẩu đạt 389 nghìn tấn, trị giá 856 triệu USD, giảm 9,6%

về lượng và giảm 55,9% về trị giá so với tháng 10/2022.

Ngoài ra, nhập khẩu bông từ tất cả các thị trường khác giảm mạnh về lượng trong 10 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 như: nhập khẩu từ thị trường Ấn Độ giảm 32,2%; từ Argentina giảm 88,3%; từ Bồ Đào Nha giảm 70,2%.

Lượng nhập khẩu bông nguyên liệu (ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: VITIC

về lượng và giảm 32,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 35,5% tổng lượng bông nhập khẩu. Riêng trong tháng 10/2023, lượng nhập khẩu bông từ thị trường này đạt 10,85 nghìn tấn, trị giá 24,75 triệu USD, giảm 14,7% về lượng và giảm 16,7% về trị giá so với tháng 9/2023, giảm 61,9% về lượng và giảm 69,7% về trị giá so với tháng 10/2022.

Nhập khẩu bông từ thị trường Australia đứng ở vị trí thứ 2, đạt 355 nghìn tấn, trị giá 781 triệu USD, tăng 18,8% về lượng nhưng giảm 14% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Riêng trong tháng 10/2023, lượng nhập khẩu bông từ thị trường này đạt 54,66 nghìn tấn, trị giá 113,19 triệu USD, giảm 17,5% về lượng và giảm 18,9% về trị giá so với tháng 9/2023, giảm 33,9%

Nhập khẩu bông của Việt Nam

Thị trường	Tháng 10/2023		So với tháng 9/2023 (%)		So với tháng 10/2022 (%)		10 tháng năm 2023		So với 10 tháng năm 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	107.595	216.613	-0,8	-1,7	-23,3	-47,6	1.096.790	2.353.688	-8,7	-30,6
Mỹ	10.853	24.753	-14,7	-16,7	-61,9	-69,7	389.827	856.825	-9,6	-32,5
Australia	54.668	113.199	-17,5	-18,9	-33,9	-55,9	355.483	781.310	18,8	-14,0
Brazil	16.263	33.540	89,1	90,4	15,8	-14,0	142.909	330.762	-32,2	-41,8
Ấn Độ	3.213	4.192	-49,4	-52,3	21,1	15,9	49.240	78.676	-49,4	-63,1
Bồ Đào Nha	1.629	3.318	155,3	161,2	113,8	67,6	6.302	10.837	-70,2	-79,9
Argentina	907	1.656	179,1	182,9	-70,7	-79,3	5.067	9.996	-88,3	-91,5
Indonesia	572	907	59,3	58,7	34,9	27,4	5.245	8.742	18,9	29,5
Hàn Quốc	210	408	-25,8	-21,6	114,3	134,1	2.664	5.206	31,2	31,1
Pakistan	919	1.531	-13,5	-16,4	246,8	167,4	2.254	3.685	14,2	0,2

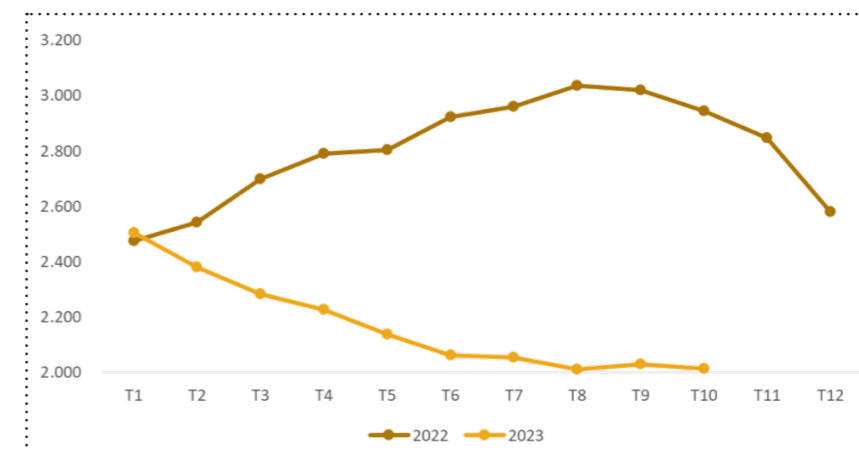
Nguồn: VITIC

Về giá: Giá bông nhập khẩu vào Việt Nam tháng 10/2023 ở mức 2.013 USD/tấn, giảm 0,9% so với tháng 9/2023 và giảm 31,7% so với tháng 10/2022. Như vậy, sau 12 tháng giảm giá liên tiếp thì tháng 9/2023 giá nhập khẩu bông nguyên liệu vào Việt Nam

bắt đầu tăng nhẹ, tuy nhiên sang tháng 10/2023 lại quay đầu giảm nhẹ.

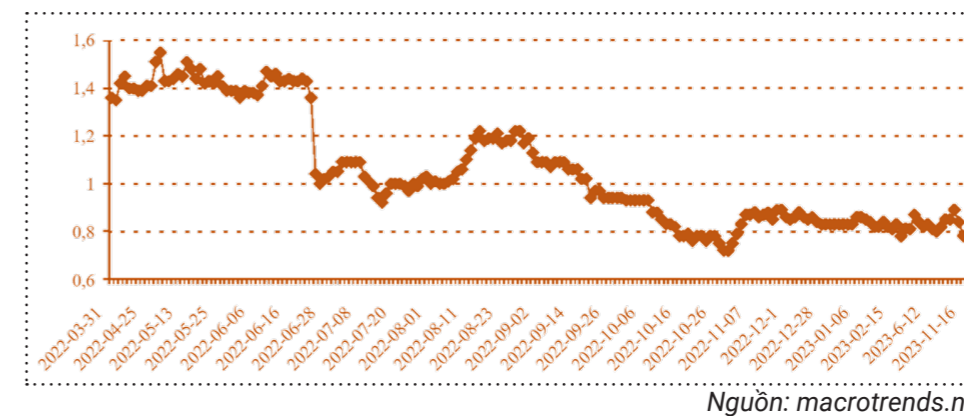
Tính chung 10 tháng năm 2023, giá bông nguyên liệu nhập khẩu về Việt Nam đạt trung bình 2.146 USD/tấn, giảm 23,9% so với cùng kỳ 2022.

Giá nhập khẩu bông nguyên liệu (ĐVT: USD/tấn)



Giá bông thế giới vẫn trong xu hướng giảm, thị trường nhập khẩu bông của Việt Nam đã bắt đầu quay đầu giảm nhẹ sau một tháng tăng. Với những thông tin thế giới và trong nước không có nhiều dấu hiệu tích cực, dự báo, giá nhập khẩu bông nguyên liệu vào Việt Nam chưa tăng trở lại do khó khăn ngành dệt may cả thế giới và trong nước chưa hồi phục hoàn toàn.

Giá bông nguyên liệu của Mỹ từ năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/pound)



Nguồn: macrotrends.net

Giá bông nhập khẩu trung bình từ các thị trường chính trong tháng 10/2023 giảm nhẹ so với tháng 9/2023. Trừ giá bông nhập khẩu từ thị trường Brazil tăng nhẹ 0,6% lên 2.062 USD/tấn.

Giá nhập khẩu bông

Thị trường	Tháng 10/2023 (USD/tấn)	So với tháng 9/2023 (%)	So với tháng 10/2022 (%)	10 tháng 2023 (USD/tấn)	So với 10 tháng 2022 (%)
Tổng	2.013	-0,9	-31,7	2.146	-23,9
Mỹ	2.281	-2,4	-20,5	2.198	-25,3
Australia	2.071	-1,7	-33,3	2.198	-27,7
Brazil	2.062	0,6	-25,7	2.314	-14,2
Ấn Độ	1.305	-5,7	-4,3	1.598	-27,0
Bồ Đào Nha	2.037	2,3	-21,6	1.720	-32,5
Argentina	1.826	1,4	-29,4	1.973	-27,1
Indonesia	1.585	-0,4	-5,6	1.667	8,9
Hàn Quốc	1.945	5,6	9,3	1.954	-0,1
Pakistan	1.666	-3,3	-22,9	1.635	-12,3

Nguồn: VITIC

1.2 Dự báo giá nhập khẩu xơ nguyên liệu sẽ phục hồi trở lại do nhu cầu tăng

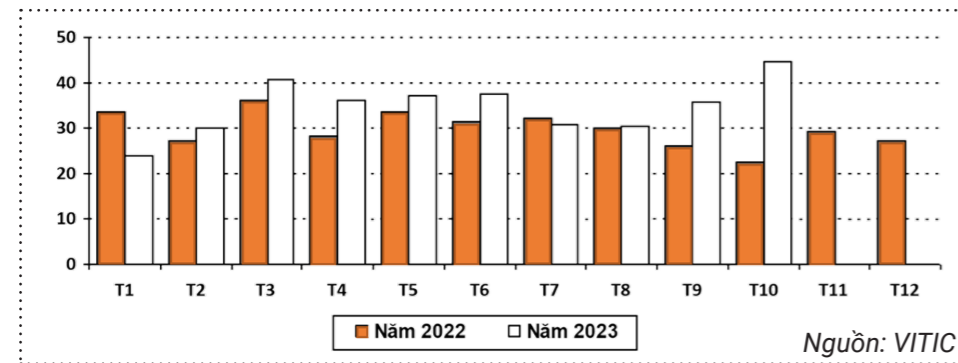
Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, lượng xơ nguyên liệu nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 10/2023 đạt 44,76 nghìn tấn, trị giá 53,43 triệu USD, tăng

24,9% về lượng và tăng 18% về trị giá so với tháng 9/2023; tăng 99% về lượng và tăng 82,1% về trị giá so với tháng 10/2022.

Tính chung 10 tháng năm 2023,

lượng xơ nguyên liệu nhập khẩu về Việt Nam đạt 347 nghìn tấn, trị giá 445 triệu USD, tăng 15,5% về lượng và tăng 4,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Lượng nhập khẩu xơ nguyên liệu của Việt Nam (Đvt: nghìn tấn)



Trong 10 tháng năm 2023, Việt Nam nhập khẩu xơ nguyên liệu từ 33 thị trường, tăng 7 thị trường so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể:

Trung Quốc vẫn là thị trường cung cấp xơ nguyên liệu lớn nhất cho Việt Nam, lượng nhập khẩu tháng 10/2023

đạt 23,97 nghìn tấn, trị giá 26,32 triệu USD, tăng 35,3% về lượng và tăng 32,7% về trị giá so với tháng 9/2023; tăng 154,5% về lượng và tăng 121,9% về trị giá so với tháng 10/2022. Tính chung 10 tháng năm 2023, nhập khẩu xơ nguyên liệu từ thị trường Trung Quốc vào Việt Nam đạt 168,57 nghìn tấn, trị giá 193,47 triệu USD, chiếm 48,5% tổng lượng nhập khẩu, tăng 30,1% về lượng và tăng 14% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu xơ nguyên liệu từ thị

trường Thái Lan đứng vị trí thứ 2, với lượng nhập khẩu đạt 5,2 nghìn tấn, trị giá 6,32 triệu USD, tăng 2,3% về lượng nhưng giảm 8% về trị giá so với tháng 9/2023; tăng 6,8% về lượng và tăng 19,5% về trị giá so với tháng 10/2022. Tính chung 10 tháng năm 2023, nhập khẩu xơ nguyên liệu từ thị trường Thái Lan vào Việt Nam đạt 45,71 nghìn tấn, trị giá 55,94 triệu USD, chiếm 2,1% tổng lượng nhập khẩu xơ nguyên liệu của Việt Nam, tăng 18,8% về lượng và tăng 10% về trị giá so với

cùng kỳ năm 2022.

Nhìn chung trong 10 tháng năm 2023, nhập khẩu xơ nguyên liệu từ các thị trường cung cấp chính vào Việt Nam đều tăng, trừ nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc giảm 35,9% về lượng.

Đáng chú ý, lượng nhập khẩu xơ nguyên liệu từ một số thị trường tăng rất mạnh trong 10 tháng năm 2023 như Bangladesh, Áo, Hong Kong.

Nhập khẩu xơ của Việt Nam

Thị trường	Tháng 10/2023		So với tháng 9/2023 (%)		So với tháng 10/2022 (%)		10 tháng năm 2023		So với 10 tháng năm 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	44.768	53.432	24,9	18,0	99,0	82,1	347.461	445.149	15,5	4,5
Trung Quốc	23.979	26.321	35,3	32,7	154,5	121,9	168.576	193.473	30,1	14,0
Thái Lan	5.202	6.323	2,3	-8,0	6,8	19,5	45.716	55.941	18,8	10,0
Hàn Quốc	2.505	4.532	42,2	40,9	43,2	50,0	22.054	41.229	-35,9	-28,5
Indonesia	3.096	3.858	3,7	-13,8	28,6	33,8	31.904	38.546	29,6	23,0
Đài Loan	3.900	4.752	48,3	53,3	49,8	43,2	29.758	35.284	-31,8	-40,0
Bangladesh	1.928	1.289	5,3	2,0	1.349,4	1.097,1	17.957	18.465	1.097,5	1.271,7
Ấn Độ	1.275	1.457	25,0	9,8	202,5	217,8	7.311	10.444	-34,5	-21,8
Nhật Bản	282	667	-0,3	-14,9	-10,7	-8,4	2.915	7.800	-14,8	-26,4
Mỹ	62	514	-52,0	-52,0	-41,7	-2,7	1.494	7.626	37,3	114,1
Singapore	473	855	65,8	68,5	454,2	44,9	3.073	7.569	-1,2	-16,0
Malaysia	562	664	41,1	22,4	492,5	464,7	3.949	4.951	53,7	48,6
Tây Ban Nha							1.530	3.926	4.322,8	6.532,0
Hong Kong	317	625	-49,8	34,5	213,6	262,6	2.573	3.467	344,0	92,9
Hý Lạp							1.165	3.061	32,7	7,2
Áo							954	2.434	406,6	260,8
Thổ Nhĩ Kỳ	654	1.071	1.284,4	1.232,4			1.257	2.075		
Campuchia	430	342	-0,7	-0,8	408,3	325,7	2.257	1.900	-10,7	-20,6

Nguồn: VITIC

Nguồn: VITIC

<https://vcosa.vn>

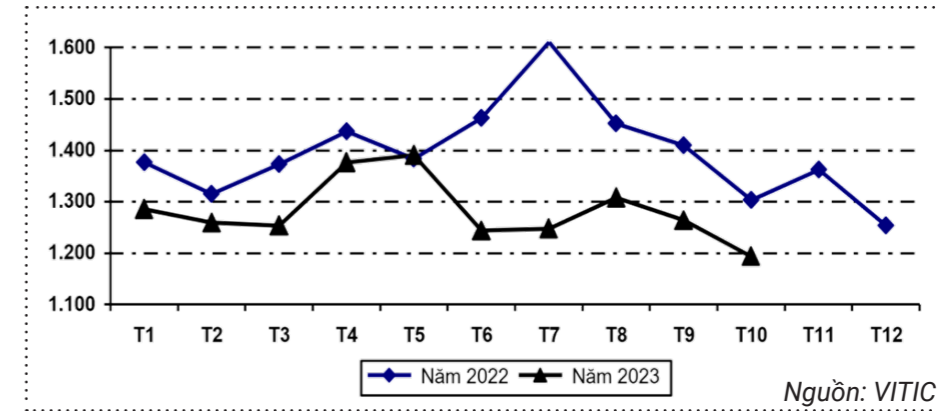
Về giá: Tháng 10/2023, giá xơ nguyên liệu nhập khẩu về Việt Nam đạt trung bình 1.194 USD/tấn, giảm 5,6% so với tháng 9/2023 và giảm 8,5% so với tháng 10/2022. Tính chung 10 tháng năm 2023, giá xơ nguyên liệu nhập khẩu về

Việt Nam đạt trung bình 1.281 USD/tấn, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó, giá xơ nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc thấp nhất đạt 1.098 USD/tấn; tiếp đến là từ Thái Lan đạt 1.215 USD/tấn...

và giá nhập khẩu từ thị trường cao nhất là Hàn Quốc với mức giá 1.809 USD/tấn. Đáng chú ý, giá nhập khẩu xơ nguyên liệu từ thị trường Bangladesh thấp nhất đạt 669 USD/tấn.

Giá nhập khẩu xơ nguyên liệu qua các tháng từ năm 2022 – 2023 (Đvt: USD/tấn)



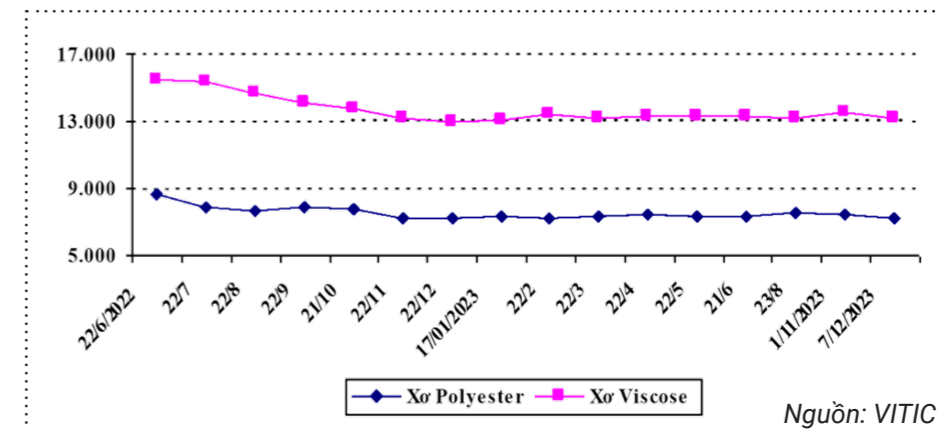
Theo báo cáo của Wasde, tiêu thụ bông xơ toàn cầu vẫn yếu. Thương mại toàn cầu ít thay đổi so với tháng trước, mặc dù nhập khẩu của Trung Quốc tăng nhẹ trở lại. Giá xơ toàn cầu chững lại do cung

và cầu tiếp tục phân hóa.

Tại Trung Quốc, theo nguồn tin từ Trung tâm Thông tin về mạng lưới dệt may toàn cầu (<https://www.tnc.com.cn/info/>), giá xơ polyester tiếp tục giảm

sâu trong những ngày gần đây, và đạt mức 7.155 NDT/tấn vào ngày 07/12/2023, trong khi ngày 03/11/2023 đạt 7.425 NDT/tấn...

Giá trung bình xơ Polyester và giá xơ Viscose của Trung Quốc năm 2022-2023 (Đvt: NDT/tấn)



Tại Việt Nam, giá nhập khẩu xơ nguyên liệu vào Việt Nam tiếp tục giảm sâu trong tháng 10/2023 nhưng lượng nhập khẩu đã phục

hồi mạnh. Với sự phục hồi trong xuất khẩu hàng dệt may, dự báo nhu cầu nhập khẩu xơ nguyên liệu sẽ tăng lên, đặc biệt, trong bối

cảnh giá xơ nguyên liệu thế giới giảm, các doanh nghiệp sẽ tăng nhập khẩu xơ nguyên liệu.

❖ Những thông tin và số liệu thống kê sử dụng trong bản tin được thu thập từ nhiều nguồn gồm Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thống kê, VITIC, Trung tâm Thương mại Quốc tế...

❖ Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo. Các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

❖ Báo cáo này cung cấp thông tin chung. VCOSA không chịu trách nhiệm về việc thông tin được cung cấp là đầy đủ hoặc chính xác. Do các chu kỳ cập nhật khác nhau, số liệu thống kê có thể hiển thị nhiều dữ liệu cập nhật hơn so với tham chiếu trong báo cáo.

❖ Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin Hiệp Hội Bông Sợi Việt Nam ngày càng chất lượng hơn.

Ban Thông tin Truyền thông

<https://vietnamyarnprice.com>

Giá nhập khẩu xơ

Thị trường	Tháng 10/2023 (USD/tấn)	So với tháng 9/2023 (%)	So với tháng 10/2022 (%)	10 tháng 2023 (USD/tấn)	So với 10 tháng năm 2022 (%)
Tổng	1.194	-5,6	-8,5	1.281	-9,5
Trung Quốc	1.098	-1,9	-12,8	1.148	-12,4
Thái Lan	1.215	-10,0	11,9	1.224	-7,4
Hàn Quốc	1.809	-0,9	4,7	1.869	11,6
Indonesia	1.246	-16,9	4,0	1.208	-5,1
Đài Loan	1.218	3,4	-4,4	1.186	-12,0
Bangladesh	669	-3,1	-17,4	1.028	14,5
Ấn Độ	1.143	-12,1	5,0	1.429	19,5
Nhật Bản	2.366	-14,6	2,5	2.676	-13,6
Mỹ	8.240	0,0	66,8	5.104	55,9
Singapore	1.807	1,6	-73,8	2.463	-15,0
Malaysia	1.181	-13,3	-4,7	1.254	-3,3
Tây Ban Nha				2.566	50,0
Hong Kong	1.973	167,8	15,6	1.348	-56,6
Hý Lạp				2.627	-19,2
Áo				2.552	-28,8
Thổ Nhĩ Kỳ	1.636	-3,8		1.650	
Campuchia	796	-0,2	-16,3	842	-11,1

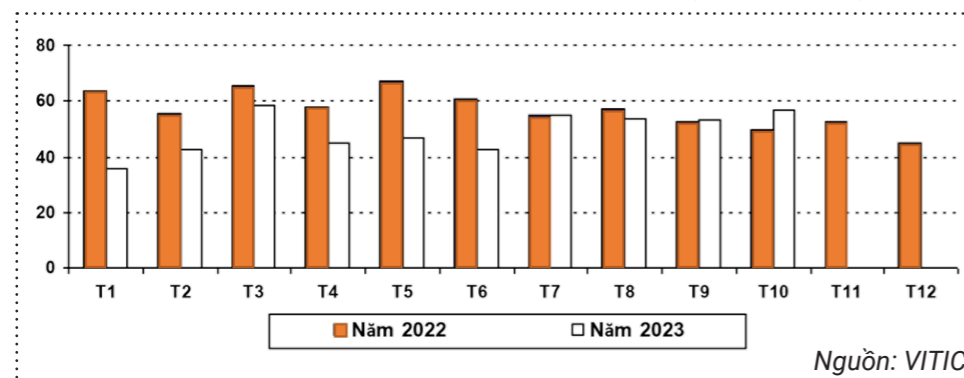
Nguồn: VITIC

1.3 Giá nhập khẩu sợi nguyên liệu giảm mạnh

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu sợi nguyên liệu trong tháng 10/2023 đạt 56,58 nghìn tấn, trị giá 143,56 triệu USD, tăng 6,3% về lượng nhưng giảm 0,6% về trị giá so với tháng 9/2023; tăng 13,9% về lượng và tăng 4,4% về trị

giá so với tháng 10/2022. Tính chung 10 tháng năm 2023, lượng nhập khẩu mặt hàng này đạt 490,17 nghìn tấn, trị giá 1,35 tỷ USD, giảm 16,1% về lượng và giảm 23,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Lượng nhập khẩu sợi nguyên liệu của Việt Nam (Đvt: nghìn tấn)



Nguồn: VITIC

Trung Quốc là thị trường cung cấp sợi nguyên liệu lớn nhất cho Việt Nam, trong tháng 10/2023 đạt 37,82 nghìn tấn, trị giá 87,51 triệu USD, tăng 1% về lượng nhưng giảm 4,4% về trị giá so với tháng 9/2023; tăng 17,7% về lượng và tăng 16,7% về trị giá so với tháng 10/2022. Tính chung 10 tháng năm 2023, nhập khẩu sợi nguyên

liệu từ thị trường Trung Quốc đạt 333,33 nghìn tấn, trị giá 815 triệu USD, chiếm 68% tổng lượng nhập khẩu, giảm 11,8% về lượng và giảm 22,2% về trị giá so với 10 tháng năm 2022. Nhập khẩu sợi nguyên liệu từ thị trường Đài Loan trong tháng 10/2023 đạt 5,06 nghìn tấn, trị giá 15,72 triệu USD, tăng 3,8% về lượng

và tăng 13,4% về trị giá so với tháng 9/2023, nhưng giảm 29,6% về lượng và giảm 18,1% về trị giá so với tháng 10/2022. Tính chung 10 tháng năm 2023, nhập khẩu sợi nguyên liệu từ thị trường Đài Loan đạt 46,29 nghìn tấn, trị giá 131 triệu USD, chiếm 9,4% tổng lượng nhập khẩu sợi nguyên liệu của Việt Nam, giảm mạnh 42% về lượng và

giảm 42% về trị giá so với 10 tháng năm 2023, nhập khẩu sợi nguyên liệu từ các thị trường chính vào Việt Nam đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022, trừ thị trường Ấn Độ tăng 15,7% về lượng.

Nhập khẩu sợi của Việt Nam

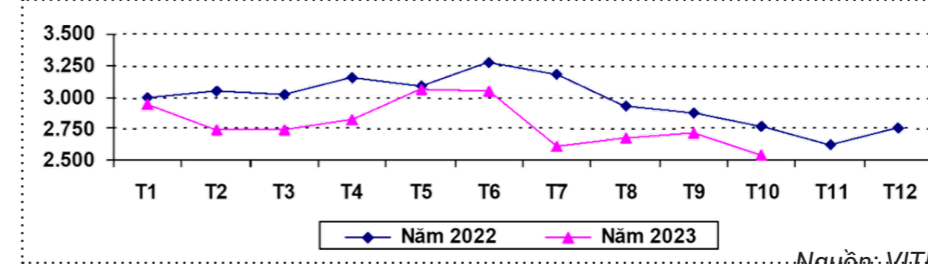
Thị trường	Tháng 10/2023		So với tháng 9/2023 (%)		So với tháng 10/2022 (%)		10 tháng năm 2023		So với 10 tháng năm 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	56.580	143.564	6,3	-0,6	13,9	4,4	490.179	1.358.430	-16,1	-23,5
Trung Quốc	37.820	87.513	1,0	-4,4	17,7	16,7	333.335	815.651	-11,8	-22,2
Đài Loan	5.064	15.723	3,8	13,4	-29,6	-18,1	46.291	131.003	-42,0	-42,0
Ấn Độ	2.513	11.049	-13,4	47,8	309,8	264,3	29.522	86.589	15,7	-7,5
Hàn Quốc	3.214	5.467	61,2	-20,5	43,4	-38,1	21.694	85.308	-22,1	-13,4
Hong Kong	1.376	1.908	140,6	-58,2	94,3	-53,3	7.380	46.242	-20,3	-14,7
Indonesia	1.324	5.861	-32,5	9,9	-22,9	-0,2	15.001	42.391	-26,6	-37,5
Nhật Bản	958	3.099	147,2	-9,6	502,5	60,4	3.845	32.678	-3,1	16,7
Thái Lan	2.380	3.620	144,9	30,6	100,3	2,2	11.044	27.976	-6,5	-34,1
Malaysia	334	2.026	-27,8	89,1	-60,1	-24,3	7.404	20.960	-6,3	0,1
Singapore	204	1.132	31,4	-21,6	21,7	-5,6	1.909	12.482	-6,1	-11,6

Nguồn: VITIC

Về giá: Giá nhập khẩu trung bình sợi nguyên liệu của Việt Nam trong tháng 10/2023 ở mức 2.537 USD/tấn, giảm 6,4% so với tháng 9/2023 và giảm 8,4% so với tháng 10/2022. Tính chung 10 tháng năm 2023, giá sợi nguyên liệu nhập khẩu về Việt Nam đạt trung

bình 2.771 USD/tấn, giảm 8,8% so với cùng kỳ 2022. Trong đó, giá sợi nguyên liệu nhập khẩu từ Hong Kong thấp nhất đạt 1.387 USD/tấn; tiếp đến là từ Hàn Quốc đạt 1.701 USD/tấn. Giá nhập khẩu cao nhất là từ thị trường Ấn Độ với mức giá 4.397 USD/tấn.

Giá nhập khẩu sợi nguyên liệu qua các tháng từ năm 2022 – 2023 (Đvt: USD/tấn)



Nguồn: VITIC

Tại Việt Nam, giá nhập khẩu sợi nguyên liệu giảm khá mạnh so với tháng 9/2023 nhưng với nhu cầu từ thị trường vẫn ở mức thấp nên lượng nhập khẩu giảm. Với giá nhập khẩu sợi nguyên liệu thế giới được dự báo giảm, dự báo giá sợi nhập khẩu vào Việt Nam sẽ giảm trong thời gian tới và lượng nhập khẩu tiếp tục ở mức thấp, chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh.

Giá nhập khẩu sợi

Thị trường	Tháng 10/2023 (USD/tấn)	So với tháng 9/2023 (%)	So với tháng 10/2022 (%)	10 tháng năm 2023 (USD/tấn)	So với 10 tháng năm 2022 (%)
Tổng	2.537	-6,4	-8,4	2.771	-8,8
Trung Quốc	2.314	-5,3	-0,8	2.447	-11,8
Đài Loan	3.105	9,2	16,2	2.830	0,1
Ấn Độ	4.397	70,8	-11,1	2.933	-20,0
Hàn Quốc	1.701	-50,7	-56,8	3.932	11,1
Hong Kong	1.387	-82,6	-76,0	6.266	7,1
Indonesia	4.427	62,9	29,5	2.826	-14,9
Nhật Bản	3.236	-63,4	-73,4	8.498	20,4
Thái Lan	1.521	-46,7	-49,0	2.533	-29,5

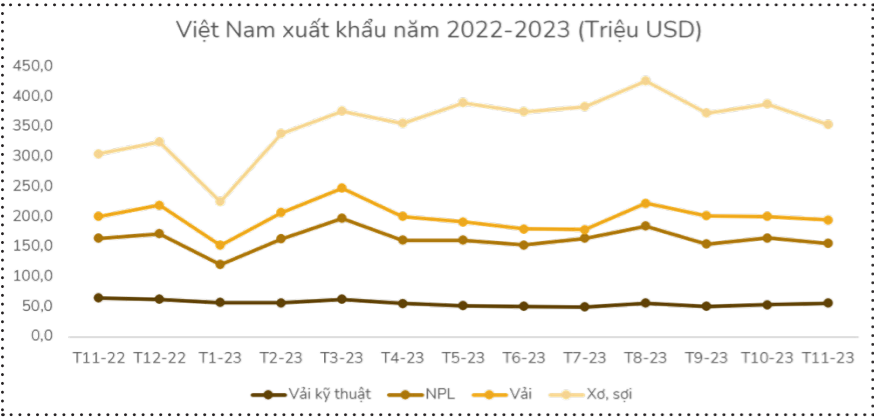
Nguồn: VITIC

2. Số liệu xuất khẩu

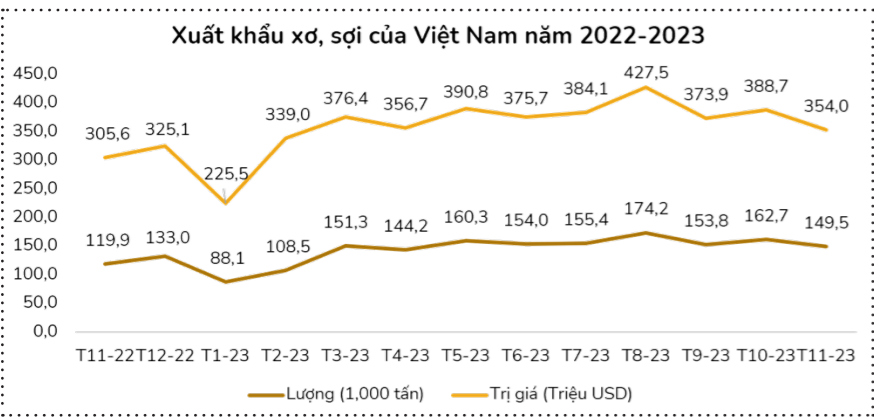
Mặt hàng	Tháng 11/2023		So với tháng trước (%)		11 tháng 2023		So với cùng kỳ năm trước (%)	
	Lượng (Nghìn tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (Nghìn tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng	Trị giá
Xơ, sợi dệt các loại	149,5	354,0	-8,1	-8,9	1.628,7	3.994,9	13,0	-9,0
Hàng dệt may (bao gồm vải)	-	2.750,5	-	7,2	-	30.426,2	-	-12,3
- Vải các loại	-	195,3	-	-2,7	-	2.191,7	-	-12,7
NPL dệt may, da giày	-	156,6	-	-5,3	-	1.787,6	-	-13,6
Vải màn, vải kỹ thuật	-	56,4	-	4,5	-	606,6	-	-24,4
Tổng cộng	-	3.317,4	-	-0,6	-	36.815,2	-	-14,8

Nhìn chung, xuất khẩu xơ sợi 11 tháng năm 2023 tiếp tục tăng về lượng trong khi kim ngạch lại giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng xuất khẩu xơ sợi tháng 11/2023 đạt 149,5 nghìn tấn, giảm 8,1% so với tháng trước, kim

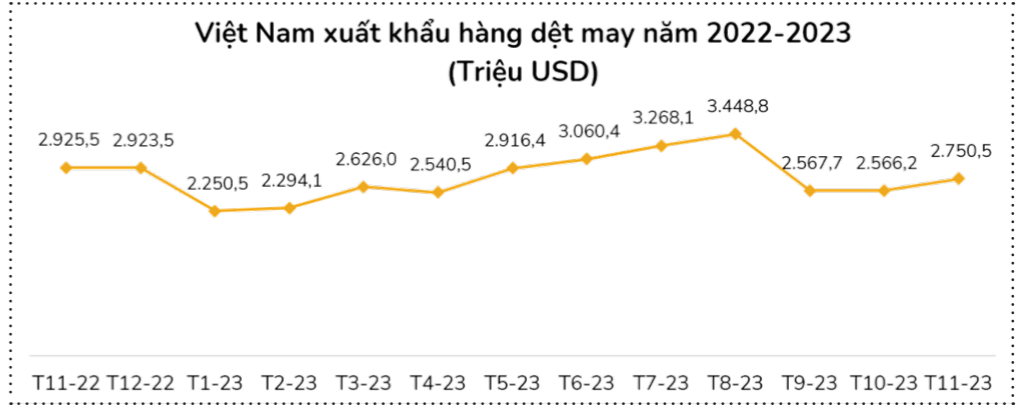
ngạch đạt 354 triệu USD, giảm 8,9%. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2023, sản lượng xuất khẩu xơ sợi đạt 1,63 triệu tấn, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu lại giảm 9%, đạt 3,99 tỷ USD.



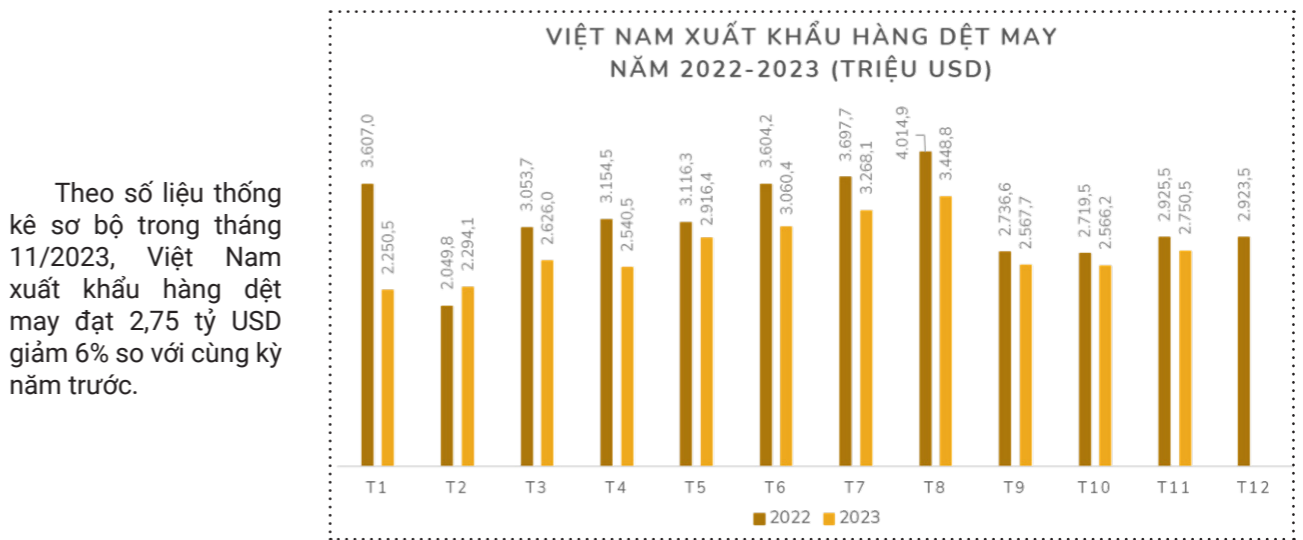
- Số liệu xuất khẩu trong tháng 11/2023 cho thấy:
- Xuất khẩu vải kỹ thuật tăng 4,5% so với tháng trước, đạt 56,4 triệu USD.
 - Xuất khẩu nguyên phụ liệu dệt may, da giày giảm 5,3%, đạt 156,6 triệu USD.
 - Xuất khẩu vải đạt 195,3 triệu USD, giảm 2,7%.
 - Xơ, sợi xuất khẩu đạt 354 triệu USD trong tháng 11, giảm 8,9% so với tháng trước.



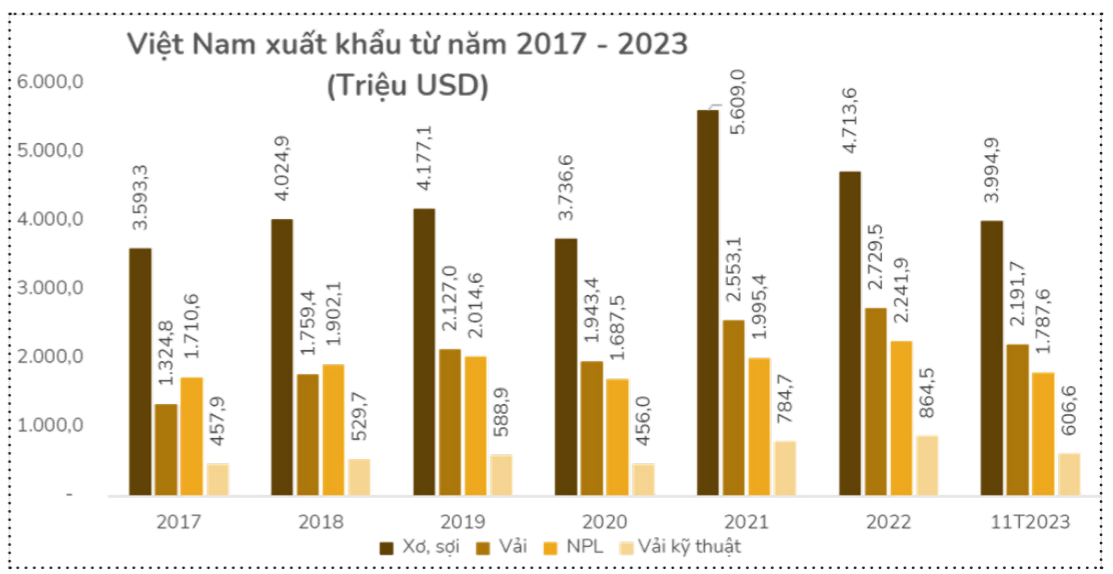
Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2023, Việt Nam xuất khẩu 149,5 nghìn tấn xơ, sợi, giảm 8,1% so với tháng trước. Kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này đạt 354 triệu USD, giảm 8,9% so với tháng trước.



Trong tháng 11/2023, Việt Nam xuất khẩu hàng dệt may đạt 2,75 tỷ USD, tăng 7,2% so với tháng trước.



Theo số liệu thống kê sơ bộ trong tháng 11/2023, Việt Nam xuất khẩu hàng dệt may đạt 2,75 tỷ USD giảm 6% so với cùng kỳ năm trước.



- Trong 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng trong ngành dệt may đã ghi nhận các con số giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.
- Xơ, sợi: 3,99 tỷ USD, giảm 9%.
 - Vải: 2,19 tỷ USD, giảm 12,7%.
 - Nguyên phụ liệu dệt may, da giày: 1,79 tỷ USD, giảm 13,6%.
 - Vải kỹ thuật: 606,6 triệu USD, giảm mạnh 24,4% so với cùng kỳ năm trước.

2.1 Giá xuất khẩu xơ, sợi tiếp tục giảm

Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu xơ, sợi dệt của Việt Nam trong tháng 10/2023 đạt 162,7 nghìn tấn, kim ngạch 388,7 triệu USD, tăng 5,8% về lượng và tăng 4% về kim ngạch so với tháng 9/2023; tăng 39,5% về lượng và tăng 26,2% về kim ngạch so với tháng 10/2022.

Tính chung 10 tháng năm 2023, xuất khẩu xơ, sợi dệt các loại của Việt Nam đạt 1,479 triệu tấn, kim ngạch 3,64 tỷ USD, tăng 12% về lượng nhưng giảm 10,8% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2022.

Trong các nhóm hàng dệt may và nguyên liệu xuất khẩu của Việt

Nam, xơ, sợi dệt là nhóm hàng đang cho thấy sự phục hồi rõ nét nhất, điều này thể hiện ở kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đã tăng đáng kể từ tháng 7/2023 đến nay so với các tháng cùng kỳ năm 2022.

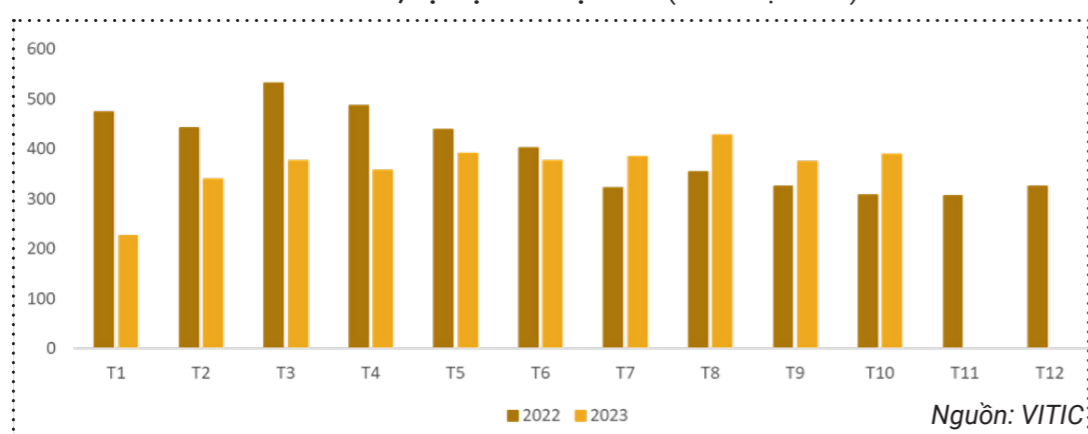
Theo nhận định, xuất khẩu mặt hàng xơ, sợi dệt của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trong quý 4/2023 khi thị trường dệt may thế giới có tín hiệu phục hồi. Tại Mỹ - thị trường xuất khẩu lớn nhất hàng dệt may của Việt Nam được dự báo sẽ tăng nhu cầu đối với quần áo thời trang cho các dịp lễ hội cuối năm nay khi doanh số bán lẻ tổng thể của

Mỹ dự báo sẽ tăng 3-4%, phục hồi bằng mức trước đại dịch.

Thị trường EU cũng cho thấy sự phục hồi đáng kể khi xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường này tăng mạnh trong tháng 10/2023 so với tháng 9/2023.

Theo đó, nhu cầu đối với xơ, sợi nguyên liệu để phục vụ cho sản xuất xuất khẩu hàng dệt may của nhiều quốc gia sẽ tăng lên. Đây sẽ là cơ hội để Việt Nam xuất khẩu nhóm hàng xơ, sợi dệt các loại trong thời gian tới.

Xuất khẩu xơ, sợi dệt của Việt Nam (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: VITIC

Trong tháng 10/2023, mặc dù xuất khẩu nhóm hàng xơ, sợi dệt các loại của Việt Nam sang nhiều thị trường giảm so với tháng 9/2023, tuy vậy, xuất khẩu sang các thị trường chủ lực đều tăng, riêng xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc và Bangladesh tăng trưởng ở mức hai con số.

So với tháng 10/2022, xuất khẩu nhóm hàng xơ, sợi dệt các loại của Việt Nam sang các thị trường chủ lực trong tháng 10/2023 đều tăng, trừ xuất khẩu sang thị trường

Bangladesh giảm 7,7% về lượng và giảm 13,1% về kim ngạch.

Tính chung 10 tháng năm 2023, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất xơ, sợi dệt các loại của Việt Nam, chiếm 49,4% về lượng và 53,1% về kim ngạch. Đáng chú ý, xuất khẩu nhóm hàng xơ, sợi dệt của Việt Nam sang thị trường này tăng 21,7% về lượng và tăng 2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2022. Có thể thấy, từ tháng 4/2023 đến nay, xuất khẩu nhóm hàng xơ, sợi dệt của Việt Nam sang

thị trường Trung Quốc đều tăng so với tháng cùng kỳ năm 2022, điều này đã khiến xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tăng trong 10 tháng năm 2023.

Trái lại, xuất khẩu nhóm hàng xơ, sợi dệt các loại của Việt Nam sang nhiều thị trường giảm trong 10 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 như Hàn Quốc, Mỹ, Bangladesh, Indonesia...

Thị trường xuất khẩu xơ, sợi của Việt Nam

Thị trường	Tháng 10/2023		So với tháng 9/2023 (%)		So với tháng 10/2022 (%)		10 tháng 2023		So với 10 tháng 2022 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	162.714	388.702	5,8	4,0	39,5	26,2	1.479.154	3.640.884	12,0	-10,8
Trung Quốc	82.757	214.325	6,8	5,5	59,5	53,4	730.579	1.932.107	21,7	2,0
Hàn Quốc	13.380	36.460	22,8	18,0	13,8	4,2	115.260	320.534	-3,9	-21,8
Mỹ	8.769	12.199	8,0	7,0	35,9	17,9	84.252	121.148	-10,4	-26,1
Bangladesh	4.284	15.531	17,0	24,3	-7,7	-13,1	30.278	111.319	-23,6	-41,3
Indonesia	3.674	11.553	-8,0	0,1	24,5	33,6	29.776	89.326	-7,7	-21,3
Nhật Bản	3.724	8.944	10,9	10,8	4,9	-3,1	32.810	83.819	7,4	-11,9
Philippin	3.298	6.784	-9,0	-11,6	5,1	-13,5	32.724	72.571	12,5	-13,1
Thái Lan	2.067	5.288	-20,3	-22,5	-4,3	-21,3	26.158	71.234	-16,5	-32,8
Đài Loan	3.230	8.719	12,0	16,4	2,2	-10,5	25.229	70.281	-33,5	-46,8
Ấn Độ	1.705	3.701	-31,0	-32,6	-33,6	-33,7	29.697	60.566	-16,2	-41,7
Campuchia	1.080	3.604	-38,6	-39,0	81,2	68,4	16.066	58.010	19,0	8,3
Colombia	2.324	5.346	-14,9	-14,2	93,2	58,9	22.575	52.589	33,4	-5,3
Pakistan	1.236	3.286	-19,8	-21,5	-40,3	-51,2	14.998	41.399	-2,9	-35,8
Rumani	1.686	4.122	35,4	16,0	225,5	104,3	11.408	39.153	64,1	34,4
Brazil	1.595	2.130	-23,6	-27,6	-4,2	-35,4	22.539	34.340	-4,8	-25,3
Malaysia	1.126	3.019	-13,5	-1,6	4,5	5,7	12.487	31.180	13,8	-12,5
Italia	524	1.117	-13,4	-50,9	-23,7	-47,9	7.398	27.266	14,5	-20,9
Thổ Nhĩ Kỳ	1.533	2.072	43,8	37,3	-46,4	-58,7	14.289	26.974	-37,9	-59,4
Sri Lanka	707	2.353	12,9	8,7	24,7	-18,6	6.416	26.583	18,1	-24,7
Anh	3.328	3.111	21,4	13,0	142,4	128,9	23.162	22.604	34,9	22,2
Ái Cập	919	1.946	0,5	-6,6	69,6	52,7	8.731	20.117	-21,1	-43,6
Hong Kong	789	2.486	104,9	73,6	924,7	700,1	4.940	15.845	253,6	92,7
Peru	199	427	-45,8	-36,8	-80,7	-86,9	5.904	12.300	-48,9	-64,1

Nguồn: VITIC

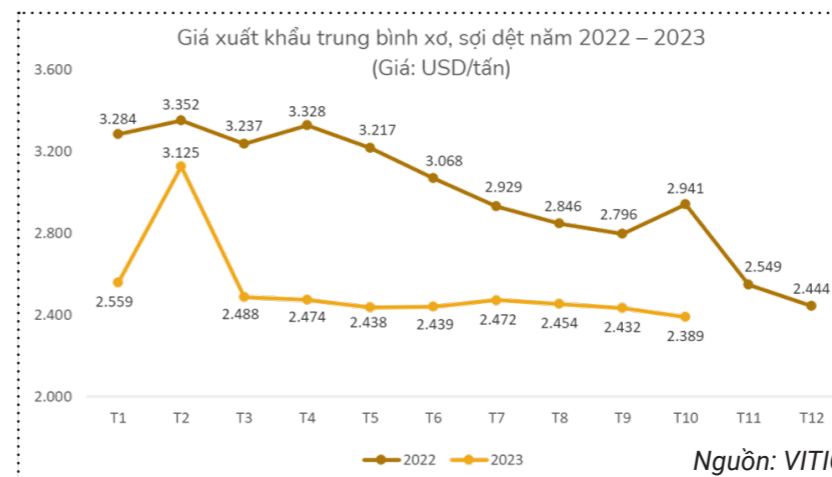
Về giá: Đơn giá xuất khẩu trung bình mặt hàng xơ, sợi dệt của Việt Nam trong tháng 10/2023 đạt 2.389 USD/tấn, giảm 1,8% so với tháng 9/2023 và giảm 9,5% so với tháng 10/2022. Tính chung 10 tháng năm 2023, giá xuất khẩu trung bình xơ, sợi dệt của Việt Nam đạt 2.461 USD/tấn, giảm 20,4% so với cùng kỳ năm 2022.

Qua khảo sát thấy rằng, giá xơ, sợi dệt xuất khẩu của Việt Nam đã

giảm liên tiếp kể từ tháng 7/2023 đến nay, theo xu hướng giảm giá bông, xơ thế giới. Theo nhận định, giá xơ, sợi nguyên liệu xuất khẩu của Việt Nam sẽ tiếp tục giảm trong tháng 11/2023, bởi giá xơ, sợi thế giới vẫn trong xu hướng giảm.

Theo nguồn tin từ Trung tâm Thông tin về mạng lưới dệt may toàn cầu (<https://www.tnc.com.cn/info/>), giá xơ nguyên liệu

của Trung Quốc đến giữa tháng 11/2023 đã giảm khoảng 300-400 NDT/tấn do hàng tồn kho cao, không được hỗ trợ từ giá bông, nhu cầu hạ nguồn yếu... Theo các công ty dệt may Trung Quốc, nếu tình hình đơn hàng vẫn không cải thiện trong tháng 12/2023, các doanh nghiệp dệt may có thể giảm hoặc tạm dừng sản xuất trên quy mô lớn hoặc chuyển sang sản xuất sợi pha trộn và sợi hóa học...



Nguồn: VITIC

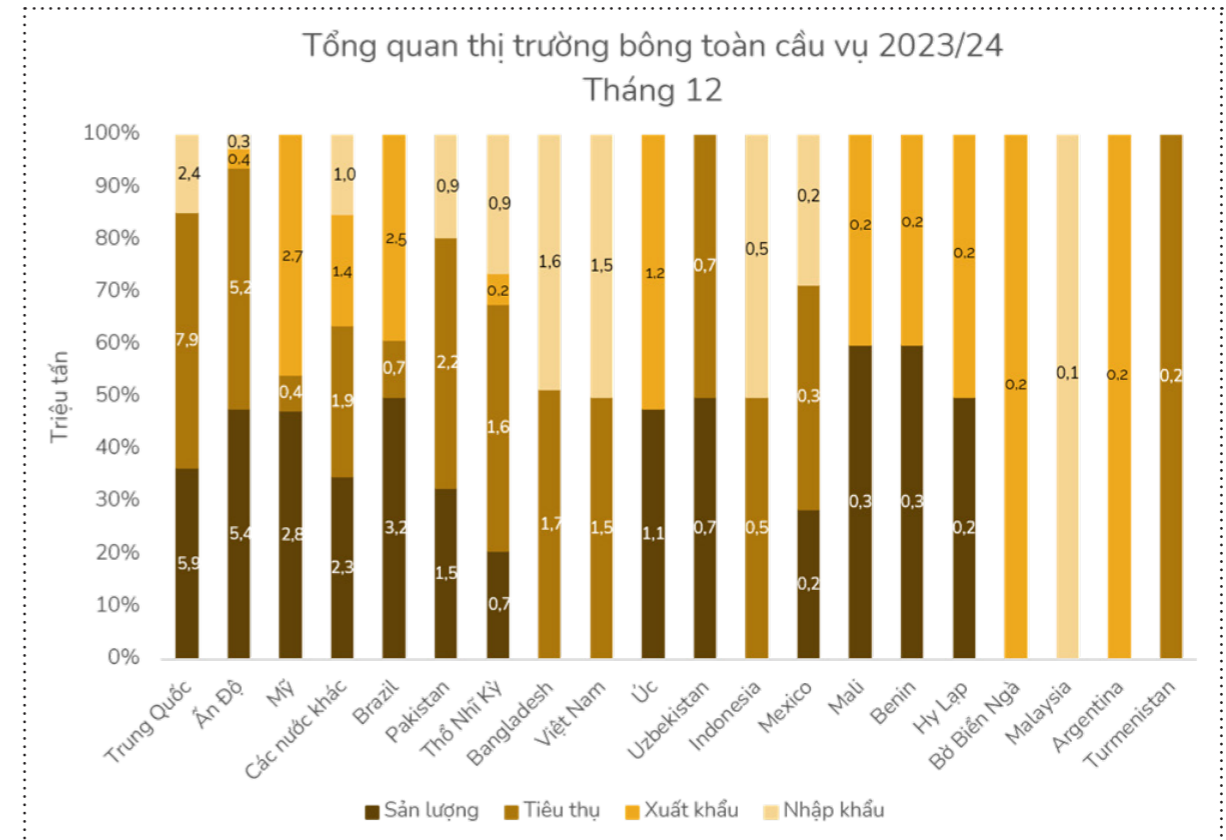
Giá xuất khẩu trung bình mặt hàng xơ, sợi dệt của Việt Nam giảm ở nhiều thị trường trong tháng 10/2023, trong đó, giá xuất khẩu xơ, sợi dệt sang các thị trường chính như Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ đều giảm so với tháng 9/2023, trái lại, xuất khẩu sang một số thị trường vẫn tăng như Bangladesh, Indonesia...

Tháng 10/2023, giá xuất khẩu trung bình mặt hàng xơ, sợi dệt của Việt Nam giảm ở hầu hết các thị trường so với tháng 10/2022, trong đó, giá xuất khẩu sang một số thị trường giảm ở mức hai con số như Mỹ, Philippines, Đài Loan, Colombia, Pakistan, Rumani, Brazil.

Giá xuất khẩu xơ, sợi

Thị trường	Tháng 10/2023 (USD/tấn)	So với tháng 9/2023 (%)	So với tháng 10/2022 (%)	10 tháng 2023 (USD/tấn)	So với 10 tháng 2022 (%)
Trung bình	2.389	-1,8	-9,5	2.461	-20,4
Trung Quốc	2.590	-1,3	-3,8	2.645	-16,2
Hàn Quốc	2.725	-3,9	-8,4	2.781	-18,7
Mỹ	1.391	-0,9	-13,2	1.438	-17,5
Bangladesh	3.625	6,3	-5,9	3.677	-23,2
Indonesia	3.144	8,8	7,4	3.000	-14,7
Nhật Bản	2.402	-0,1	-7,6	2.555	-18,0
Philippines	2.057	-2,9	-17,8	2.218	-22,8
Thái Lan	2.558	-2,8	-17,7	2.723	-19,5
Đài Loan	2.699	3,9	-12,4	2.786	-20,0
Ấn Độ	2.171	-2,4	-0,3	2.039	-30,5
Campuchia	3.337	-0,7	-7,1	3.611	-9,0
Colombia	2.300	0,8	-17,7	2.330	-29,0
Pakistan	2.659	-2,1	-18,2	2.760	-33,9
Rumania	2.445	-14,3	-37,2	3.432	-18,1
Brazil	1.335	-5,2	-32,5	1.524	-21,5
Malaysia	2.681	13,6	1,2	2.497	-23,1
Italia	2.131	-43,3	-31,7	3.686	-30,9
Thổ Nhĩ Kỳ	1.352	-4,5	-22,9	1.888	-34,5
Sri Lanka	3.329	-3,8	-34,8	4.143	-36,3
Anh	935	-6,9	-5,6	976	-9,4
Ai Cập	2.118	-7,1	-9,9	2.304	-28,6
Hong Kong	3.151	-15,3	-21,9	3.207	-45,5
Peru	2.145	16,5	-32,3	2.083	-29,7

Nguồn: VITIC



Nguồn: CI - VCOSA tổng hợp

3. Báo cáo bông toàn cầu

Sản lượng bông Mỹ niên vụ 2023/2024 được dự báo giảm 314.000 kiện, đạt tổng cộng 12,8 triệu kiện, chủ yếu do sản lượng ở Texas giảm 500.000 kiện. Tiêu thụ của Mỹ được dự báo sẽ giảm 150.000 kiện, ở mức tổng cộng 1,9 triệu kiện. Đây là mức thấp nhất kể từ năm 1884 do hoạt động kéo sợi vẫn ở mức dưới mức bình thường.

Tồn cuối kỳ của Mỹ hiện được dự đoán sẽ thấp hơn 100.000 kiện so với tháng trước, ở mức tổng cộng 3,1 triệu kiện. Giá bông trung bình upland dự kiến sẽ không thay đổi trong mùa này ở mức 77 cent/pound.

Bảng cân đối bông toàn cầu cho tháng 12 vụ 2023/24 cho thấy

tiêu thụ thấp hơn và tồn cuối kỳ cao hơn so với tháng trước. Tiêu thụ toàn cầu dự kiến giảm 1,6 triệu kiện, chủ yếu do Trung Quốc giảm 1,0 triệu kiện. Tiêu thụ ở Thổ Nhĩ Kỳ dự kiến sẽ giảm 400.000 kiện, Mỹ và Mexico cũng giảm, trong khi Bangladesh sẽ tăng 100.000 kiện.

Sản lượng bông toàn cầu dự kiến sẽ thấp hơn 540.000 kiện so với tháng trước do dự báo thấp hơn ở Mỹ, Thổ Nhĩ Kỳ và Mexico. Sản lượng của Pakistan dự kiến sẽ tăng thêm 200.000 kiện. Thương mại bông toàn cầu giảm nhẹ.

Nhập khẩu của Trung Quốc được dự báo sẽ tăng 500.000 kiện. Điều này gần như bù đắp cho lượng nhập khẩu dự kiến thấp hơn của Thổ Nhĩ Kỳ, Pakistan và

Bangladesh. Xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ dự kiến sẽ cao hơn. Tuy nhiên, xuất khẩu của Brazil được dự báo sẽ giảm 300.000 kiện. Xuất khẩu từ các nước khác cũng được dự đoán sẽ thấp hơn.

Tồn cuối kỳ toàn cầu vụ 2023/24 được dự báo tăng 900.000 kiện trong tháng này, trong đó tồn của Trung Quốc dự kiến tăng 1,5 triệu kiện. Tổng tồn toàn cầu dự kiến là 82,4 triệu kiện, chiếm 72% tỉ lệ tồn/sử dụng.

Nguồn: Cotton Grower

hello January

WISHING YOU A HAPPY NEW YEAR WITH THE HOPE THAT YOU
WILL HAVE MANY BLESSINGS IN THE YEAR TO COME.



*Merry
Christmas!
& a Happy new year!*



Trụ sở

L17-11, Lầu 17, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Văn phòng đại diện

14-15A, Tầng 7, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Văn phòng giao dịch (nhận thư)

1265 Hoàng Sa, P.5, Q.Tân Bình, TP.HCM

VCOSA

- ➔ +84 902 379 490
- ➔ info@vcosa.org.vn
- ➔ www.vcosa.org.vn